

Tu Sách

TUỔI TRÉ HỌC TẬP VÀ LÀM THEO LỜI BÁC



BÁC HỒ

VỚI CỰU CHIẾN BINH VÀ THANH NIÊN XUNG PHONG VIỆT NAM



THANH NIÊN

BÁC HỒ
VỚI CỰU CHIẾN BINH
VÀ THANH NIÊN XUNG PHONG
VIỆT NAM



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

TẬP THỂ TÁC GIẢ

TẠ HỮU YÊN
NGUYỄN VĂN ĐỆ
VĂN TÙNG
HOÀI PHƯƠNG

PHẦN THỨ NHẤT

BÁC HỒ

VỚI

CỤU CHIẾN BINH



TRÊN BÃI PÀI CO NHÂN



Tướng Lê Quảng Ba kể về những ngày đầu thành lập Đội du kích Pác Bó:

Ngày thành lập đội du kích chúng tôi - Đội du kích đầu tiên của phong trào cách mạng Cao Bằng do Bác trực tiếp tổ chức và chỉ đạo, rất đơn giản. Không có hội trường, không có diễn văn, không có cờ hoa và cũng không có khách mời. Nơi làm lễ thành lập đồng thời cũng là thao trường ở trên đám ruộng to có tên gọi là Pài Co Nhân tức là “Bãi cây vải” theo tiếng Tày, ở đằng sau lán. Lúa vừa gặt xong, gốc rạ còn cứng. Sự kiện lịch sử này diễn ra đã lâu, tôi chỉ còn nhớ vào khoảng tháng 11 năm 1941, tôi được phân công đi đón Bác từ sớm, còn anh Lê Thiết Hùng - sau này được phong tướng, thì tập hợp cả đội để đón Bác. Lúc Bác đến, anh em đã đầy đủ đội ngũ chỉnh tề. Bác mặc bộ quần áo Nùng, đầu trần, khăn quàng cổ, đi giày vải địa phương. Theo sau Bác có tôi và đồng chí Lộc bảo vệ...

Tướng Lê Quảng Ba cho biết, lúc thành lập có 12 người. Toàn những người đang hoạt động cách

mạng đã được thử thách, rất trung thành với cách mạng. Có đồng chí có người thân đã bị giặc bắt, bị tù đầy, bị bắn chết. Danh sách có 12 đội viên:

1. Lê Đình (tức Lê Thiết Hùng)
2. Lê Quảng Ba
3. Trần Sơn Hùng (tức Hoàng Sâm)
4. Cường Tiến (tức Nguyễn Văn Cơ về sau lấy tên là Bằng Giang)
5. Hải Tâm (tức Bế Sơn Cương)
6. Đức Thanh
7. Thế An
8. Nông Văn Chung (tức Phùng)
9. Tống Đề (tức La)
10. Nông Thị Trung
11. Quách Hưng (tức Dương Mạc Hiếu)
12. Sĩ Cương.

Người nhiều tuổi nhất là anh Lê Thiết Hùng, ngoài 30, người ít nhất là Nông Thị Trung mới ngoài 20. Anh Lê Thiết Hùng, anh Hoàng Sâm là người Kinh, còn lại toàn là người địa phương.

Bác đến, anh Lê Thiết Hùng đồng dục hô:

- Toàn đội chú ý: Lập chính!

“Lập chính” là khẩu lệnh “ng nghiêm” ngày nay.

Đây là một từ Hán - Việt, các anh vẫn dùng khi tập tự vệ. Anh đứng nghiêm, giơ tay chào và báo cáo:

- Báo cáo đồng chí! Toàn đội du kích đã tập hợp đủ, mời đồng chí huấn thị.

Bác nhìn đội du kích tỏ vẻ hài lòng. Bác nói:

- Hôm nay, Đội du kích Việt Minh đầu tiên được thành lập, chúng ta cần phải nghiên cứu và làm tốt các nhiệm vụ đề ra. Tổ chức đã phát sinh thì phải phát triển, muốn phát triển thật tốt phải qua công tác thực tế mà phấn đấu và rèn luyện. Các đồng chí là những cán bộ trung thành, dũng cảm vì đoàn thể, vì dân, nên phải đoàn kết, chấp hành kỷ luật cho tốt, khiêm tốn học hỏi, giúp nhau thực sự về chính trị, quân sự cũng như trong sinh hoạt. Đối với nhân dân, đội phải như cá với nước, nghĩa là đội như đàn cá mà nhân dân là nước. Cá không có nước thì cá không sống được...

Ngừng một lát, Bác nói với anh Lê Quảng Ba:

- Đồng chí ở lại tập cùng anh em, mình cùng đồng chí Lộc khác về. Gần thôi.

Mỗi lần gần Bác, anh Lê Quảng Ba lại học được những bài học về cơ bản và những kinh nghiệm thiết thực. Sau này được nghỉ, vị tướng cự chiến binh vẫn nhớ mãi những bài học bổ ích do Bác dạy. Ví như: đã tổ chức thì phải chọn người

theo tiêu chuẩn đề ra, tổ chức phải giữ kỷ luật nghiêm, nhất là phải đoàn kết chặt chẽ. Hoạt động trong bóng tối phải tuyệt đối giữ bí mật. Muốn bảo vệ mình, bảo vệ cách mạng thì cần phải dựa vào dân, đây là chỗ dựa vững chắc nhất, đảm bảo nhất. Trong sinh hoạt, Bác để lại nhiều nét đẹp mà anh gắng học hỏi: chăm chỉ luyện tập để giữ gìn sức khỏe; ăn uống điều độ, đơn giản cho phù hợp với hoàn cảnh lúc ấy cũng như sau này khi có điều kiện hơn. Bác thức khuya dậy sớm, một lòng một dạ vì cách mạng, dẫu Bác tuổi cao sức không được khỏe. Nhiều lúc anh nghĩ: Học được vài ba điều về lối sống mẫu mực của Ông Cụ đã là khó khăn lắm rồi, nhưng phải cố gắng để học.

Anh Lê Quảng Ba kể vài mẩu chuyện vui trong luyện tập quân sự lúc bấy giờ: Từ “Lập chính”, anh em bàn nên thay bằng từ “im” hay “đứng im”. Có người nói nên thay là “đứng nghiêm”. Khẩu lệnh: “Hướng hữu, chuyển”, “Hướng tả, chuyển”, sau khi bàn bạc tranh luận được thay bằng: “Bên phải, quay!”, “Bên trái, quay!”. Cụm từ này nghe hợp hơn và đúng hơn. Lúc bấy giờ, anh em trong đội ở lán 1, còn Bác ở lán 2, hàng ngày Bác vẫn đến lán 1 cùng ăn cơm với anh em. Anh em hỏi ý kiến Bác về từ “nghiêm”, Bác nói: “Ta nghĩ đúng thì ta dùng. Từ “nghiêm”, bây giờ chưa thấy oai, nghe quen rồi sẽ thấy oai”. Quả nhiên, về sau này, từ “nghiêm” có oai thật.

Về “chào”, Bác lấy cây gậy dựng ở vách làm mẫu. Ông Cụ lấy cây gậy ướm đặt bên thắt lưng, bàn tay trái đỡ súng, mũi súng về phía trước, bàn tay phải nâng báng súng áp vào thắt lưng, đường thẳng của súng và người tạo thành một góc nhọn làm thành hình chữ V. Nhìn động tác bỗng súng chào của Bác, anh em trong đội reo lên:

- A! Chào theo kiểu chữ V! Chào theo kiểu Việt Minh!

Tất cả đều cười. Bác cũng cười theo.

Đội du kích Pác Bó ra đời, ghi thêm một điểm đỏ trên bản đồ vùng rừng núi phía Bắc, khi những người cách mạng còn hoạt động trong bóng đêm...

“CHÚ TÀN NHƯNG KHÔNG PHẾ...”



Năm 27 tuổi, anh Nguyễn Thái Dũng là Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 147, bị mất nửa cánh tay phải trong một trận đánh bất ngờ gặp địch. Anh tự nghĩ: “Mình mất một bàn tay, lại là bàn tay thuận nhất của con người, còn lại bàn tay trái cũng gần bằng tàn phế rồi còn gì nữa. Phải chăng, mình sẽ không còn đứng được trong đội ngũ những người cầm súng đi cứu nước? Phải chăng là như thế? Không biết cấp trên có còn cho mình ở đơn vị trực tiếp chiến đấu nữa không? Hay lại bắt buộc phải về cơ quan, về trạm an dưỡng”.

Vết thương tạm lành, anh Thái Dũng được gặp Tổng Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái để đề đạt nguyện vọng: xin được về lại đơn vị chiến đấu. Vị tướng Tổng Tham mưu trưởng nói với anh: “Sẽ khó khăn đấy, sức khoẻ tốt chưa? Chỗ tay cụt có hay nhức buốt không?”. Rồi ông đưa cho anh Thái Dũng tờ báo “*Cứu Quốc*” có đăng bức thư của Bác Hồ gửi anh em thương binh và bệnh binh. Bác viết:

“Các đồng chí đã hy sinh một phần xương máu vì Tổ quốc, chẳng may bị thương, bị bệnh trước khi quân thù bị hoàn toàn tiêu diệt, kháng chiến được hoàn toàn thành công.

Chắc các đồng chí không khỏi phân vân. Nhưng không, các đồng chí nên một mặt nuôi lại sức khỏe, một mặt cố gắng học tập. Khi đã khôi phục sức khỏe, các đồng chí sẽ hăng hái tham gia công tác, tham gia sản xuất để giúp ích cho Tổ quốc. Cũng như các đồng chí đã anh dũng giữ gìn non sông, các đồng chí sẽ trở thành người công dân kiểu mẫu ở hậu phương cũng như các đồng chí đã làm người chiến sĩ kiểu mẫu ở ngoài mặt trận”.

Đọc xong bức thư của Bác, anh Thái Dũng nghĩ: mình sẽ cố gắng trở lại đơn vị chiến đấu, chắc Bác cũng sẽ vui lòng. Rồi anh Thái Dũng được trở về Trung đoàn 147, đầu tay phải vẫn còn phải băng bó và treo ở cổ. Anh nhận chức Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn Lũng Vài. Anh tham gia các trận đánh ở vùng Đông - Bắc: trận An Châu và trận Đồng Khuy.

Năm 1950, anh Thái Dũng và ba đồng chí Tiểu đoàn trưởng đang phóng ngựa trên đường số 3 lên Bắc Cạn, bỗng gặp một đoàn ngựa từ phía trên phóng xuống. Anh thoáng thấy một ông già giống Bác, rồi anh chợt nghĩ: đúng là Bác Hồ rồi. Bác cưỡi con ngựa màu nâu, đầu đội mũ cứng, chắc là để giữ bí mật. Bác phóng ngựa nhanh qua đoàn

anh Dũng. Các anh tiếc ngần ngợ không được gặp Bác trong dịp may hiếm có này.

Đại đoàn Quân Tiên Phong được thành lập, anh Thái Dũng là Trung đoàn trưởng Trung đoàn 88. Trong chiến dịch “Cao - Bắc - Lạng”, đơn vị của anh phối hợp với đơn vị bạn đã bắt sống được hai tên quan năm Sác-tông và Lơ-pa-giơ. Trong chiến dịch lớn này, quân ta đã giải phóng được nhiều cứ điểm và vùng đất quan trọng: Thất Khê, Na Sầm, Đồng Đăng, Lạng Sơn, Lạng Giai, Lộc Bình, Đình Lập, An Châu...

Rồi anh Thái Dũng được gặp Bác. Anh được Đại đoàn uỷ nhiệm lên báo cáo với Bác về trận đánh vận động tiêu diệt hai binh đoàn Sác-tông và Lơ-pa-giơ, khi Bác đến thăm Đại đoàn sau chiến thắng Cao - Bắc - Lạng. Bác ôm hôn anh, “ôm rất chặt, tình cảm nồng nàn như cha với con”, anh Thái Dũng cảm nhận thế. Khi bàn tay Bác chạm vào cánh tay cụt của anh, bỗng một thoáng đứng lặng rồi Bác buông ra, nhìn anh với ánh mắt trù mến, yêu thương.

Hội nghị tổng kết chiến dịch Biên Giới được mở tại khu rừng Lam Sơn, tỉnh Cao Bằng. Anh Thái Dũng có mặt trong Hội nghị này. Hết họp xong, anh được tin: Bác muốn gặp những đồng chí nào có tên là Dũng. Thế là chỉ có hai người: Thái Dũng và Dũng Mã. Các anh đến chỗ Bác. Bác ở trong một cái hang nhỏ, ngoài cửa hang có nhiều cây cối. Các anh chào Bác, Bác ôm hôn anh Thái Dũng và hỏi:

- Quê chú ở đâu?

- Thưa Bác, quê cháu ở thị xã Cao Bằng. Dịch chiếm thị xã, gia đình cháu tản cư về Cao Bình rồi ạ!

Bác cười:

- Thế là chú có vinh dự chiến đấu giải phóng ngay trên quê hương mình. Chú về thăm gia đình chưa?

- Thưa Bác, trước khi khai mạc Hội nghị, cháu được phép tạt qua nhà để bố mẹ cháu mừng ạ!

Bác nhìn anh ân cần hỏi:

- Tay chú như vậy thì khi leo núi hành quân chiến đấu là vất vả khó khăn lắm.

- Thưa Bác, cháu thường phải gắng sức, nhất là khi leo núi đá. Rồi khi định viết, muốn viết nhanh mà chưa thật quen. Đi lại đường xa thì cháu vẫn cưỡi ngựa được như thường.

Bác động viên anh:

- Vậy là chú rất cố gắng. Người ta hay nghĩ những ai bị thương tật là người tàn phế rồi. Chú có tàn nhưng không phế. Trái lại chú đã hoàn thành nhiệm vụ không kém gì những người lành lặn chân tay. Bác nghe báo cáo biết là chú bị thương từ năm 1948 ở gần Bằng Khẩu phải không? Qua hai năm thử thách, chứng tỏ chú rất cố gắng...

Hai bác cháu đang trò chuyện thì Đại tướng Võ Nguyên Giáp đến thăm Bác. Bác bảo chụp ảnh chung

làm kỷ niệm. Tấm ảnh chung với Bác cùng Đại tướng Võ Nguyên Giáp và anh Dũng Mã, anh Thái Dũng vẫn giữ nguyên vẹn cho đến hôm nay. Đây là một kỷ niệm mà anh nghĩ là “thiên liêng nhất cuộc đời anh”.

Lần cuối cùng anh Thái Dũng được gặp Bác là vào mùa hè năm 1969 ở ngay trong Phủ Chủ tịch. Đây là cuộc gặp của Bác với một số tướng lĩnh quân đội. Anh Thái Dũng kể: “Hôm đó, tôi gồi ở một góc xa chỉ chăm chú ngắm Bác mà trong lòng suy nghĩ miên man. Lại nhớ cái ngày “Tuần lễ vàng” ở cửa Nhà Hát Lớn - Hà Nội, bác đi lại hoạt bát như thanh niên. Rồi tôi nhớ đến hôm gặp Bác cưỡi con ngựa nâu phóng trên đường Bắc Cạn, chỗ cây số 72. Từ chiến dịch Biên Giới đến giờ đã mười chín năm rồi, nay da Bác đã mồi, tóc Bác bạc phơ...”.

Lần gặp cuối cùng này, hình ảnh Bác đã để lại một dấu ấn vô cùng sâu sắc trong tâm hồn vị tướng họ Nguyễn, quê thị xã Cao Bằng. Anh ghi tiếp: “Bác đã qua đời. Nhưng với tôi, lời Bác dạy vẫn định ninh trong dạ. Tôi kiểm điểm thấy mình cũng có khuyết điểm này hay khuyết điểm khác, nhưng không có điều gì phải hổ thẹn và ân hận trước công lao giáo dục của Bác, của Đảng trong suốt mấy chục năm chiến đấu và công tác. Đến nay tuy đã được nghỉ, tôi vẫn xác định cho mình phải giữ gìn phẩm chất đạo đức cách mạng, sống trong sáng, lành mạnh giữa đời thường...”.

ĂN CƠM VỚI BÁC, CHÁU ĐỪNG LÀM KHÁCH...



Đánh trận Đông Khê năm 1950, anh La Văn Cầu trong tổ bộc phá bị mất một cánh tay. Anh được đưa về bệnh viện để băng bó vết thương. Mất cánh tay phải, ở bệnh viện, anh học cách viết bằng tay trái. Lúc ấy anh Cầu nói tiếng phổ thông chưa thạo, anh nhờ các cô y tá dạy thêm tiếng phổ thông. Tập viết kiên trì, chữ còn nguệch ngoạc, nhưng anh viết được lá thư đầu tiên gửi cho mẹ.

Vết thương tạm lành, anh được đơn vị trao cho một vinh dự: được gặp Bác Hồ để báo cáo về thành tích chiến đấu của đơn vị và bản thân anh. Anh quá lo. Vì, gặp Bác, anh không biết báo cáo thế nào, mà tiếng phổ thông thì anh chưa thông thạo. Đồng chí thủ trưởng động viên: “Chú đừng lo, Bác hỏi đâu thì trả lời đấy, biết sao nói vậy, nhưng nhớ là không được nói sai sự thật...”. Rồi anh được “trang bị” hai bộ quần áo ka ki mới may.

Lên gặp Bác, anh phải trèo qua mấy con dốc, anh còn mệt nên thở dốc. Anh sắp xếp trong đầu là

sẽ chào Bác đúng tư thế quân nhân và phải bình tĩnh để báo cáo với Bác. Anh được nghỉ một ngày ở trạm liên lạc. Rồi đồng chí liên lạc dẫn anh đến chỗ Bác. Đi một quãng đường, đồng chí liên lạc khẽ bảo: “Đến rồi đây!”. Anh dừng lại, nhìn bên gốc cây đa có một cụ già tóc bạc, mặc quần áo nâu, đang ngồi đọc báo. Anh đoán đó là Bác.

Anh chưa kịp chào thì Bác đã đứng lên đón anh:

- Cháu Cầu đấy phải không?

- Dạ, thưa Bác, vâng ạ!

- Cháu đi đường có mệt lắm không? Đi mất mấy ngày? Anh em trong đơn vị có khoẻ không?

- Thưa Bác, cháu đi đường có mệt, nhưng được nghỉ ngơi một ngày nên đã lại sức. Anh em trong đơn vị cháu đều mạnh khoẻ. Đơn vị rất phấn khởi sau chiến thắng Biên Giới ạ!

Bác dắt anh vào nhà và bảo đồng chí phục vụ:

- Cháu pha sữa cho chú Cầu uống.

Bác cho anh ngồi cạnh Bác và hỏi chuyện anh. Thỉnh thoảng Bác lại dùng từ dân tộc - Bác dùng từ rất đúng, phát âm chuẩn. Bác bảo anh:

- Cháu Cầu ở lại ăn cơm với Bác nhé!

Rồi Bác dặn đồng chí phục vụ:

- Cháu Cầu mệt, nhớ nấu cho cháu một bát canh ngon.

Anh được ngồi ăn cơm với Bác. Bác vui vẻ nói với anh:

- Rau xanh Bác trồng, gà Bác nuôi, trứng gà nhà đẻ, chỉ có mắm muối là phải mua thôi. Hôm nay thết cơm cháu nên bữa ăn có khá hơn mọi ngày. Ăn cơm với Bác, cháu đừng làm khách, cứ ăn cho thật no...

Bữa cơm ấy, anh cảm thấy đầm ấm như được ăn bữa cơm ở gia đình. Bác hỏi anh:

- Cháu ăn ngon miệng không? So với đơn vị có khác gì không?

- Thưa Bác, cháu ăn ở đơn vị cũng ngon, nhưng được ăn cơm với Bác, cháu thấy ngon hơn.

Nghe anh trả lời, Bác nói với mấy đồng chí trong cơ quan:

- Cháu Cầu trông thế mà hóm nhỉ!

Mọi người cùng cười vui.

Sau bữa cơm, hai Bác cháu lại tiếp tục trò chuyện, Bác hỏi:

- Lúc bị thương, cháu nghĩ thế nào?

- Thưa Bác, lúc đó địch từ lô cốt trước mặt vẫn xối xả bắn chặn bước tiến của quân ta. Cháu nghĩ, mình chưa hoàn thành nhiệm vụ, dù có hy sinh chứ không chịu lùi bước. Cánh tay phải cháu đã bị gãy nát nhưng da thịt vẫn còn dính lủng lẳng.

Vướng quá, cháu bèn nhờ đồng đội chặt đứt hẳn để dễ cơ động. Cháu nghiêng răng chịu đau, lặn người mất một lúc, rồi thu hết sức lực vùng lên, dùng tay trái ôm bọc phá xông tới áp vào lỗ châu mai, giữ cho đến khi sắp nổ mới chịu buông ra. Lô cốt địch nổ tung, cháu bị văng ra xa, ngất đi hồi lâu...

Bác xúc động, ôn tồn bảo anh:

- Cháu bị thương mất nhiều máu, người còn yếu lắm. Cháu cần nghỉ ngơi bồi dưỡng cho lại sức, nhưng nên tranh thủ học thêm văn hoá, đọc sách để nâng cao kiến thức.

Rồi anh báo cáo thành tích của đơn vị, của bản thân trước cơ quan Trung ương. Có sao nói vậy, anh kể tỉ mỉ, cụ thể, nên được mọi người chăm chú lắng nghe. Sau lần gặp Bác ấy, anh được về thăm gia đình. Mẹ anh mừng quá. Bà nói với bà con:

- Lúc được tin em Cầu bị thương, tôi rất đau xót. Nhưng bây giờ vết thương đã lành. Cầu lại được gặp Cụ Hồ, như thế là tôi được an ủi rồi. Tôi cũng ước ao được gặp Cụ Hồ một lần thôi, rồi có chết cũng không ân hận.

Ước mong của bà mẹ anh La Văn Cầu đã được thực hiện. Năm ấy, nhân ngày lễ Quốc khánh ở Thủ đô, bà được mời dự. Thế là ước mơ lớn nhất của đời bà đã đạt được. Bà thường kể chuyện cho bà con về cuộc dự lễ long trọng này.

Anh Cầu lại được gặp Bác trong một kỳ họp của Quốc hội. Bác gọi anh bằng chú. Bác hỏi anh về cuộc sống gia đình thế nào. Anh thưa với Bác:

- Cháu đã có vợ, có ba con, một gái, hai trai ạ!

Bác hỏi:

- Vợ cháu tên là gì? Công tác ở đâu?

Một cán bộ đỡ lời:

- Thưa Bác, vợ đồng chí Cầu là cô Trần Thị Thanh, người Kinh, chiến sĩ thi đua ngành công nghiệp giấy đã được Bác khen là chiến sĩ thi đua trẻ nhất trong Đại đội chiến sĩ thi đua toàn quốc năm 1952 đấy ạ.

Bác nhớ ra và hỏi:

- Thế bây giờ cô ấy có lớn lên được tí nào không?

- Thưa Bác, vợ cháu đã lớn hơn trước, đang làm việc ở nhà máy Súp-pe phốt phát Lâm Thao ạ!

Đời anh, mấy lần được gặp Bác, lần nào anh cũng cảm thấy Bác gần gũi và chân tình. Đó là những dấu ấn sâu sắc đọng lại trong tâm hồn người lính đã trở về đời thường họ La này.

“NGƯỜI CỘNG SẢN KHÔNG Ở TRONG ĐẢNG”



Sau ngày 19 tháng 8 năm 1945, những ngày đầu của cách mạng, nhân dân ta giành được quyền làm chủ đất nước, chấm dứt ách thống trị của nước ngoài, bác sĩ Đỗ Xuân Hợp được cử làm Chủ tịch Ủy ban hành chính lâm thời khu chợ Hôm, Hà Nội.

Bấy giờ, nhân dân ta chưa thoát khỏi nạn đói khủng khiếp năm 1945, nhiều vùng quê vẫn còn lâm vào cảnh đói trầm trọng. Chính phủ mới, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đang dồn sức chống giặc đói cho đồng bào ta. Cụ Chủ tịch Chính phủ mời bác sĩ Đỗ Xuân Hợp lên gặp Cụ để nhận nhiệm vụ mới. Bác nói với bác sĩ Đỗ Xuân Hợp:

- Hàng triệu người mình chết đói, hàng vạn người khác cũng đang lâm vào cảnh túng quẫn. Bác giao cho chú Hợp nhiệm vụ tổ chức cứu đói. Chú cùng mọi người cần bắt tay vào công việc ngay. Việc này khẩn cấp lắm, mong chú cố gắng...

Bác sĩ Hợp đã mời được một số vị nhân sĩ trí

thức cùng tham gia công việc này. Các hội viên của hội cứu đói đến từng đường phố, đến từng hộ dân ủng hộ đồng bào. Rồi tổ chức các điểm nấu cháo để “cứu nguy” những người đang bị đói lả nằm trên nhiều vỉa hè. Số gạo và tiền quyên góp được đã kịp thời cấp phát cho nhiều người.

Bác Hồ đi thăm đồng bào hai tỉnh Nam Định, Thái Bình. Trong số cán bộ đi theo Bác có bác sĩ Đỗ Xuân Hợp. Với ông, đây là một dịp hiếm có để được gần gũi Bác. Bác hỏi thăm gia đình ông và động viên ông cố gắng công tác. Lần đi này, có một kỷ niệm sâu sắc mà ông nhớ mãi. Bác lấy tám cái kẹo trong gói kẹo Bác mang theo đưa cho bác sĩ Hợp và nói: “Bốn cụ bốn cái, thím một cái và ba cháu ba cái nhé!”.

Năm 1952, bác sĩ Hợp đi dự lớp chỉnh huấn do Bộ Tổng tư lệnh tổ chức tại Việt Bắc. Dịp này, ông lại được gặp Bác Hồ. Gặp Bác lần này, ông lại có vinh dự được nhận món quà của Bác. Đây là lần thứ hai ông được nhận quà của Bác. Lần này không phải là kẹo mà là một chiếc áo. Bác nói chân thành với ông: “Bác có phần thưởng cho chú Hợp đây!”. Phần thưởng ấy là chiếc áo cánh bằng dũi, có thêu dòng chữ: “Nhân dân Bắc Cạn kính dâng Hồ Chủ tịch”. Chiếc áo ấy đã trở thành vật kỷ niệm vô giá của gia đình ông.

Nhân gặp các vị trí thức trong lớp này, Bác nói

chuyện thân mật: “Anh em trí thức đều có thể trở nên anh hùng, chiến sĩ của dân tộc, nếu biết hoà mình với công - nông - binh. Ở riêng ra thì khó trở thành trí thức hoàn toàn được. Dân tộc, Đảng và Chính phủ đều mong muốn anh em trở nên những trí thức hoàn toàn, góp phần công sức của mình cho kháng chiến mau chóng thắng lợi. Lấy chú Hợp làm ví dụ: một mình chú không có nông dân cấy lúa, không có thợ xây nhà, không có người dệt vải, chú sống có được không?”.

Bác sĩ Hợp được Nhà nước phong hàm Giáo sư năm 1955. Ông từng gánh vác các chức vụ: Chủ nhiệm bộ môn Giải phẫu Trường Đại học Y khoa Hà Nội, Hiệu trưởng Trường Quân y sĩ trong kháng chiến, Giám đốc Học viện Quân y. Ở cương vị nào ông cũng là người mẫu mực, tận tụy với công việc, trong sạch trong cuộc sống, được anh em đồng nghiệp và học trò mến phục.

Năm 1985, ông được phong hàm Thiếu tướng, rồi được phong danh hiệu cao quý Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Năm 1996, ông được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về khoa học kỹ thuật.

Cuộc đời của vị Thiếu tướng, Anh hùng họ Đỗ này đã có không ít kỷ niệm sâu sắc mỗi lần gặp Bác. Có lẽ, lần gặp Bác khi ông làm đơn xin vào Đảng Lao động là lần ông xúc động nhất và thấm

thía về lời khuyên của Bác: “Không phải chú không đủ tiêu chuẩn vào Đảng Lao động Việt Nam. Chú sinh hoạt ở Đảng Xã hội Việt Nam, chú tranh thủ được tri thức nước ta và tri thức thế giới. Ở Việt Nam, Đảng Xã hội là anh em với Đảng Lao động... Bác đòi hỏi chú một sự hy sinh, chú có bằng lòng không?”. Rồi Bác nắm tay bác sĩ, nói rất chân tình: “Chú Hợp là người cộng sản không ở trong Đảng”.

Chào Bác ra về, ông vô cùng thấm thía câu nói của Bác: “Chú Hợp là người cộng sản không ở trong Đảng”.

THƯA BÁC, CHÁU TÊN LÀ...



Anh hùng thông tin Đặng Quang Cầm nhớ lại một lần được gặp Bác, đấy là lần anh được về dự Đại hội Anh hùng chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ hai, họp vào tháng 7 năm 1955.

Tuy không nói ra với các bạn, nhưng tôi đoán lần này thế nào cũng được gặp Bác, nhất định Bác sẽ đến thăm Đại hội. Tôi nghĩ lúc ấy chắc sẽ vui lắm và nếu được gặp Bác, mình sẽ phải thưa với Bác như thế nào? Tối hôm trước Đại hội, một đồng chí trong ban tổ chức cho biết: “Sáng mai, Bác Hồ sẽ đến thăm Đại hội”. Nghe tin này, tất cả chúng tôi phấn khởi và hồi hộp lắm. Đêm hôm ấy chúng tôi không sao ngủ được, ai cũng chỉ mong cho trời chóng sáng...

Bác đến, Bác đi cùng đồng chí Nguyễn Chí Thanh và các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước. Đồng chí Nguyễn Chí Thanh nói:

- Hôm nay, chúng ta rất vui sướng được Bác đến thăm, các đồng chí ngồi xuống để nghe Bác nói chuyện...

Bỗng trong hội trường có tiếng hô vang:

- Hồ Chủ tịch muôn năm!

- Bác Hồ muôn năm!

Tiếng hô vang khắp hội trường, từng đợt dội lên như sóng cuộn. Bác giơ tay vẫy vẫy cho mọi người im lặng. Rồi Bác đi từng hàng ghế bắt tay và thăm hỏi từng người. Ai cũng nhìn rõ Bác. Bác mặc bộ quần áo ka ki đã bạc màu, chân đi đôi dép cao su đã mòn gót. Nước da Bác hồng hào. Hôm nay, Bác vui lắm.

Bác đến chỗ anh Cầm:

- Cháu tên là gì?

- Thưa Bác, cháu tên là Đặng Quang Cầm.

- Cháu công tác ở đâu?

- Thưa Bác, trước cháu phụ trách con đường giao thông liên lạc Hồ Chí Minh ở Tây Nguyên, cháu mới tập kết ra Bắc ạ!

- Sức khoẻ cháu thế nào? Cháu có bị sốt rét không?

Câu hỏi này của Bác làm anh xúc động. Bàn tay anh nắm gọn trong bàn tay của Bác. Anh cảm nhận hơi ấm từ Bác truyền cho và đây là nguồn sức mạnh để anh tiếp tục gánh vác công việc mới. Đến Đại hội này, anh còn mang những kỷ niệm sâu sắc từ chiến trường vùng cực Nam gian khổ, ác liệt nhất. Thành tích của anh, chiến công của anh

được ghi trong cuốn sách “Anh hùng các lực lượng vũ trang nhân dân Thuận Hải (cũ)”: Đồng chí Đặng Quang Cẩm sinh năm 1921, dân tộc Kinh, quê ở xã An Sơn, huyện Đô Lương, Nghệ An. Ngày 31 tháng 8 năm 1955, đồng chí đã được Quốc hội tặng thưởng Huân chương Quân công hạng ba và tuyên dương danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Từ năm 1948 đến năm 1950, đồng chí phụ trách một đoạn trên tuyến đường giao liên quan trọng: giữa Nam Bộ và Trung ương. Trên chặng đường 200 cây số đi qua nhiều đèo dốc, địch thường xuyên đánh phá ngăn chặn, điều kiện ăn ở rất khó khăn, thiếu thốn, đồng chí đã vượt qua, hoàn thành nhiệm vụ. Gần ba năm bám trụ, trung đội của đồng chí đã bảo đảm cho 70 đoàn cán bộ, đoàn vận tải vũ khí từ Trung ương đi vào và đi ra an toàn. Đây là con đường đầu tiên được mang tên Bác kính yêu - “Đường mòn Hồ Chí Minh”.

Gặp Bác tại Đại hội, anh thưa với Bác:

- Anh em bộ đội và đồng bào Tây Nguyên nhớ Bác lắm...

Bác kéo anh sát vào người và hỏi:

- Cháu học văn hoá lớp mấy rồi?

Anh rưng rưng nước mắt, trả lời:

- Thưa Bác, trước đây nhà cháu nghèo khổ lắm

nên cháu không được học hành. Bây giờ cháu mới biết đọc, chưa biết viết ạ!

Bác nói với đồng chí Nguyễn Chí Thanh:

- Phải cho cháu Cầm đi học, trước kia chưa học được thì bây giờ cần phải học.

Gặp Bác lần ấy, đời anh bước sang một trang mới: anh được đi học tại trường quân đội...

ĐƯỢC PHỤC VỤ ÔNG CỤ



Từ Pác Bó về Tân Trào được mấy tháng, Bác Hồ ốm nặng. Thời gian ở Pác Bó nằm trong hang lạnh, ăn uống thiếu thốn, sức Bác kiệt dần đi. Có đồng chí gần Bác đã nói: “Bác mới ngoài 50 tuổi mà trông Bác như một cụ già”. Rồi cuộc “Hành quân lặng lẽ” từ Pác Bó về Tân Trào, Bác đi bộ cùng đoàn. Cuộc đi này, tuy Bác cuộc bộ dẻo dai nhưng cũng phải nói, Bác đã xuống sức.

Về Tân Trào, tình hình cách mạng lúc đó đang khẩn trương, thời cơ cho một cuộc nổi dậy của toàn dân tộc đang chín muồi, Bác làm việc quá sức nên bị ốm nặng. Anh Văn - Đại tướng Võ Nguyên Giáp, là người luôn ở bên cạnh Bác những ngày ở Tân Trào. Anh lo Ông Cụ bị ốm nặng nên gắng tìm thầy chạy thuốc để chữa bệnh cho Bác.

Lúc ấy ở Tân Trào, trong số chiến sĩ dưới quyền anh Văn có anh Nguyễn Việt Cường, người vừa học xong khoá I Trường Quân chính kháng Nhật, vừa biết đánh máy chữ, lại được học lớp y tá nên anh Văn bảo anh Cường đi chữa bệnh cho Bác.

Anh Nguyễn Việt Cường nhớ lại: “Đây là một buổi trưa cuối tháng 7 năm 1945, trời nắng gắt sau những đêm mưa hè, tôi được đồng chí Văn gọi và bảo tôi mang theo túi thuốc và dụng cụ tiêm đi ngay theo đồng chí. Tôi vội đeo túi thuốc lên vai thì đồng chí Nghĩa - cán bộ phụ trách cơ sở về báo cáo công tác, đã vỗ vai tôi, nói: “Này, chữa cho Ông Cụ chóng khỏi để Ông Cụ còn đưa chúng ta về Hà Nội đây!”. Tôi càng hồi hộp, lo tay nghề có hạn, thuốc men thiếu thốn, liệu có làm tròn nhiệm vụ này không?”.

Anh Cường theo đồng chí Văn lên lán Nà Lừa. Lán cách làng Kim Lộng chỗ các anh ở chừng vài ba trăm mét. Chiếc lán nhỏ được dựng bằng những cột gỗ to bằng bắp chân, trên mái lợp lá cọ, sàn lát nửa, xung quanh che vách phen đan cũng bằng nửa. Một chiếc cầu thang có bốn bậc bằng bốn đoạn cây được buộc chặt vào hai khúc gỗ để để Bác lên xuống.

Anh Cường nhìn vào lán thấy một Ông Cụ đang nằm trên sàn nửa. Anh bước lên sàn, thấy Cụ mặc quần áo màu chàm ướt đẫm mồ hôi. Cụ nằm trên một tấm vải bạt quân sự, bên cạnh là một chiếc va ly cũ bằng da đã sờn mép. Trên chiếc va ly đặt một chiếc máy chữ nhỏ. Anh và đồng chí Văn cùng ngồi xuống bên Ông Cụ. Anh xem thấy mạch của Cụ đập đều nhưng yếu. Cả người Cụ lạnh toát, chỉ có vùng bụng là hơi ấm.

Anh báo cáo với đồng chí Văn: “Thưa đồng chí, Ông Cụ ngắt do cảm nặng. Bây giờ xin được tiêm cho Cụ liều uyn-cơ-ram-phê và ê-te”. Đồng chí Văn gật đầu nhưng vẫn tỏ ra lo lắng. Thực ra, trong túi thuốc của anh Cường lúc ấy chỉ có mấy loại thuốc tiêm này để chữa cảm sốt là tốt nhất. Anh tiêm liều thuốc vào bắp đùi của Ông Cụ, sau đó, anh xin phép được tiêm một ống trợ tim ca-phê-in vào bắp tay trái của Cụ.

Tiêm xong, thấy Cụ thở dồn dập, lát sau thấy mùi dầu long não và mùi ê-te toả ra hơi thở, người Cụ ấm dần, hai mí mắt Cụ động đậy rồi chuyển sang nói mê sảng. Khoảng nửa tiếng sau Cụ tỉnh dần, mở to mắt, nhận ra đồng chí Văn. Ông Cụ thều thào:

- Ngày mai... họ hẹn... đưa đến ba tôn (ba tấn).

Đồng chí Văn vội ngắt lời Ông Cụ:

- Xin Bác yên tâm, đừng nói nữa. Bác đang mệt nặng.

Ông Cụ vẫn thều thào:

- Phải tổ chức cho nhân dân đến... để họ thấy lực lượng quần chúng của ta.

Ông Cụ dặn đồng chí Văn ngày hôm sau có kế hoạch mấy nhân viên và một số hàng quân sự do Sở công tác chiến lược OSS của Mỹ đã liên lạc được

với ta. Lúc về, đồng chí Văn dặn anh Cường ngày mai lại lên tiêm cho Ông Cụ.

Sáng hôm sau, anh Cường lên lán đã thấy Ông Cụ ngồi xếp bằng tròn trước chiếc máy chữ đặt trên chiếc va ly, bên cạnh là một xếp giấy trắng. Anh đứng dưới cầu thang lễ phép nói:

- Thưa Cụ, đồng chí Văn bảo cháu lên tiếp tục tiêm thuốc cho Cụ ạ!

Ông Cụ gật đầu. Anh Cường bước lên lán, Ông Cụ hỏi:

- Hôm qua chú tiêm thuốc gì cho tôi làm cho tôi đau cả người từ chân lên đến đỉnh đầu? Chú tiêm vào những chỗ nào?

- Thưa Cụ, cháu tiêm hai liều, một vào bắp đùi, một vào bắp tay bên trái ạ! Cụ đang mệt nên cảm thấy đau ạ!

Anh xuống thang, vào chỗ nấu cơm của Cụ, nhóm lửa, đặt chiếc xoong luộc đồ tiêm. Rồi Ông Cụ cũng xuống theo và nói:

- Tôi xuống sưởi một lát cho ấm.

Ông Cụ ngồi bên hỏi chuyện:

- Chú là con nhà ai mà biết tiêm thuốc?

- Thưa Cụ, cháu là người dân tộc Tày ở Bắc Cạn. Cháu được học tới lớp nhất và được học lớp y tá ở nhà thương Hải Dương. Khi Nhật đảo chính

Pháp, trường y tá tan, cháu về quê, cháu gặp đồng chí Khang và đơn vị Giải phóng quân về đây. Cháu được giác ngộ và tình nguyện tham gia Giải phóng quân.

- Thanh niên các chú có học, có nghề, nhưng phải có chí nữa mới làm được cách mạng.

Lần này, Ông Cự nằm sắp để anh tiêm. Anh thấy mông Ông Cự chỉ có da và xương mà da lại nhăn nheo. Anh cảm thấy tay mình hơi run, nhưng rồi anh trấn tĩnh lại được. Lần này anh tiêm cho Cự hai ống kinin đã lược kỹ và một ống ca-phê-in.

Trường hợp này người tiêm thường bị đau, nhưng anh thấy Ông Cự không tỏ ra đau đớn gì. Rồi ngày thứ ba anh lại lên lán để tiêm cho Cự. Ngược lên sàn, anh thấy Ông Cự đang ngồi đánh máy chữ. Anh nghĩ: công việc cách mạng bề bộn, Cự là cấp lãnh đạo, ốm nặng thế mà vừa đỡ mệt đã phải làm việc ngay. Người cách mạng là thế. Cự đã nêu một tấm gương sáng cho mọi người noi theo.

Rồi anh được biết do được tiêm mấy liều thuốc và kết hợp dùng thuốc dân tộc của một ông lang người địa phương, sức khỏe của Ông Cự khá dần lên và đã có thể tập thể dục vào buổi sáng. Nghe tin Ông Cự đã khỏi bệnh, tất cả mọi người đều mừng.

TIẾNG ĐÀN...



Tiếng đàn ghita cất lên, âm thanh thánh thót lan toả khắp câu lạc bộ quân đội. Phía dưới sân khấu, khán giả ngồi chật các hàng ghế. Đây là buổi biểu diễn để chào mừng Đoàn văn công quân đội Liên Xô sang thăm Việt Nam. Người chơi đàn là một thương binh bị mất cánh tay phải trong một trận chống càn ở Bến Tre. Anh là Đội trưởng Đội xung kích của Đại đội 891 thuộc trung đoàn của ông Bảy Cống. Bị mất tay nhưng anh Vân Hoàng gắng luyện tập bằng tay trái để có thể trở lại với nghề. Chơi đàn bằng một tay là rất khó, mà lại là tay trái, nên anh đã đổ nhiều mồ hôi trong luyện tập, trong biểu diễn. “Nghề này - anh nói - tuy tôi đã biết đờn từ 10 tuổi, năm 15 tuổi đã biết cặp đờn đi kiếm cơm thiên hạ, nhưng từ khi tập ghita bằng một tay đến giờ, tôi chưa tham gia buổi biểu diễn nào quan trọng như buổi này”.

Anh chơi bài “Nam ai”. Điệu nhạc chậm và thoáng buồn. Tiếng đàn gợi lại một vùng quê anh đã từng sống, ở đây có con kênh xanh xanh và bóng dừa, có mái nhà và cô gái trẻ... Rồi anh

chuyển sang điệu “Nam xuân”, đến khúc vui, anh ghé sát đàn vào mi-crô nên tiếng đàn vang lên, vừa réo rắt, vừa tình tứ, tiếng đàn như gọi mở lòng người.

Nốt nhạc cuối cùng vừa chấm dứt thì tiếng vỗ tay từng đợt vang lên, nghe rõ tiếng vỗ tay thật to ở các hàng ghế của Đoàn văn công quân đội Liên Xô. Tiếng vỗ tay ấy là yêu cầu anh phải đàn lại lần thứ hai. Anh lại ngồi xuống ghế, chơi lần thứ hai. Lần này tiếng vỗ tay vang to hơn, dồn dập hơn, náo nức hơn, vậy anh phải đàn lần thứ ba. Nhưng chưa hết, theo yêu cầu của người nghe, anh lại chơi đàn lần thứ tư để đáp lại sự nhiệt tình của mọi người.

Anh đứng dậy cúi chào mà cảm thấy người lâng lâng cứ như muốn bay lên. Đây là cảm giác của hạnh phúc, của sự khổ luyện được đền đáp, của một nghệ sĩ đã nguyện “sống chết” với nghề.

Sáng hôm sau, anh được Bác gọi vào để hỏi chuyện. Cả đoàn mừng cho anh, vì đây là một hạnh phúc lớn, nhất là đối với anh em miền Nam tập kết. Anh mặc bộ quần áo mới, sau khi đã cắt xong mái tóc. Anh ngồi trên chiếc commăng-ca, xe chạy giữa phố đông người. Xuống xe, anh đi bộ qua cổng gác, đồng chí bảo vệ chỉ cho anh:

- Bác đang chờ đấy, đồng chí vào đi.

Anh bước vào, thấy Bác đang sửa một chậu hoa đặt bên cửa sổ. Nhìn thấy anh, Bác cười:

- Chú đã đến đây à?

- Báo cáo Bác, cháu được Bác gọi, cháu đã đến...

Bác dắt anh ngồi xuống một chiếc ghế gần Bác. Bác hỏi về tình hình anh chị em tập kết, sức khỏe ba má anh. Rồi Bác nói:

- Hôm qua cháu đàn được các đồng chí Liên Xô hoan nghênh lắm, nên hôm nay Bác gọi cháu đến để hỏi chuyện. Cháu đến thăm Bác như cháu về với gia đình, không phải bỏ ngõ gì cả.

Bác nắm cánh tay còn lại của anh và hỏi:

- Cháu bị thương từ bao giờ? Cháu tập đàn bằng một tay có khó lắm không?

Anh kể với Bác quá trình tập luyện và tuổi thơ đã tập đàn để kiếm sống. Anh được gánh hát Chấn Hưng nhận vào làm một chân đồn phụ. Cách mạng tháng Tám thành công, anh được nhận nhiệm vụ phụ trách một đoàn văn công. Anh tập lại đồn. Anh lấy dây chun buộc chặt chiếc que có móc vào cánh tay cụt. Rồi anh bấm nốt, tiếng đàn bật ra cộc lốc, nặng nề. Thế là không được. Lần khác, anh lấy ngón út khê gợi lên khoảng dây đồn, một âm thanh yếu ớt nhưng chính xác phát ra. Vậy là anh dùng ngón út để thay cả năm ngón bên bàn tay đã mất.

Bác chăm chú nghe rồi hỏi:

- Bây giờ cháu đàn còn gặp nhiều khó khăn không?

- Thưa Bác, do cháu phải gảy đàn ở trên cần nên tiếng không vang được. Cháu mong đoàn sấm cho cái máy tăng âm...

- Chiều nay, cháu vào đàn cho Bác nghe. Cháu đàn các bài đã biểu diễn cho các đồng chí Liên Xô nghe hôm trước.

Chiều ấy, anh lại được vào chỗ Bác. Đi với anh còn có anh Phan Nhung chơi đàn cò và em Thiện - một em bé miền Nam có giọng hát hay. Anh đến đã thấy Bác cho để ở phòng cây đàn mới có cắm điện. Anh ngồi vào ghế đàn cho Bác nghe. Tiếng đàn vang khắp căn phòng, anh cảm thấy lòng mình rung động đến tận đáy lòng.

Sau buổi đàn cho Bác nghe, Bác khen anh và thưởng cho anh cây đàn và chiếc máy tăng âm. Anh xúc động nhận món quà của Bác và thề hứa: suốt đời anh sẽ cố gắng để xứng đáng với cây đàn mà Bác đã thưởng.

Những ngày sau đó, khi biểu diễn bằng cây đàn Bác cho, anh bộc bạch: "Tiếng đàn như được chấp thêm đôi cánh. Tôi đàn rất say sưa hào hứng với lòng tự hào về nhân dân ta, về quân đội ta. Tiếng đàn nói lên quyết tâm sắt thép vì sự nghiệp

giải phóng miền Nam, xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa và tiến tới thống nhất nước nhà. Có đồng chí bảo tôi: “Chỉ thêm có bộ phận tăng âm mà tiếng đàn của cậu xuất sắc, vang vọng hẳn lên”. Tôi hiểu, không phải tiếng đàn của tôi chỉ được tăng âm lượng mà chính là những lời dạy bảo và tình cảm của Bác đã làm tăng thêm trong tôi ý thức và tình cảm của người biểu diễn. Tôi nguyện sẽ đem cả cuộc đời làm nghệ thuật của tôi để thực hiện những ước mơ cao đẹp mà Bác đã dặt tôi đi...”.

KỶ NIỆM THẬM THÌNH



Lữ đoàn pháo binh 374 đóng quân tại một địa danh đã từng được ghi vào sổ sách của thời Hùng Vương - Thạm Thình, Phú Thọ - đơn vị được vinh dự đón Bác về thăm. Bác lên thăm đền Hùng và đơn vị pháo binh này.

Từ ô tô xuống, Bác mặc bộ quần áo nâu giản dị, chân vẫn đi đôi dép lốp quen thuộc. Bác đi thăm nơi ngủ của chiến sĩ. Trong những gian nhà rộng, chiến sĩ nằm giường hai tầng. Bác nhìn tầng trên không có cọc màn, Bác hỏi: “Thế đội viên mắc màn thế nào?”. Anh Bùi Huy Tưởng, Chính trị viên Tiểu đoàn 1 thưa: “Thưa Bác hai hàng dây thép căng sát trần nhà, bộ đội buộc dây mắc màn vào đấy ạ!”. Bác lại hỏi: “Thế đội viên tầng trên nằm có bị ngã không?”. Anh Tưởng không dám nói thật, vì cách đó mấy hôm có hai chiến sĩ sáng dậy chưa tỉnh ngủ đã bị ngã phải đi nằm bệnh xá, nên anh thưa chung chung: “Thưa Bác, nếu cẩn thận thì không bị ngã ạ!”.

Chỉ qua vài ba câu hỏi của Bác, các anh đã

thấy rõ tấm lòng của Ông Cụ đối với bộ đội. Bác sâu sát và tỉ mỉ, đó là bài học bổ ích cho người chỉ huy, cho người lãnh đạo. Bác đến giường nằm của đồng chí Định - Tiểu đội trưởng. Bác nhìn chiếc giường, chiếc gối gọn ghẽ, bát đũa, túi đựng bàn chải và thuốc đánh răng treo trên giá đầu giường gọn gàng, ngăn nắp. Bác cầm chiếc bát sắt lên xem, Bác khen sạch.

Bác xuống nhà bếp. Đến chỗ để thực phẩm, Bác thấy các loại rau dưa, bí đao, cà chua xếp trên giá, được bảo quản cẩn thận, Bác hỏi: “Các chú tăng gia được phải không?” - “Thưa Bác, chúng cháu làm vườn, nên trồng trọt được các thứ trên ạ!”. Bác đến chỗ treo bảng kinh tế công khai, Bác đọc từng dòng và đột nhiên hỏi: “Thế các chú ăn thịt trâu à?” (vì trên bảng có ghi 8 ký thịt trâu). Lúc ấy, ăn thịt trâu là “phạm pháp”, vì phá hoại sức kéo. Anh Bùi Huy Tưởng vội thưa: “Dạ, con trâu nó bị què ạ!”. Bác không nói gì, rồi đi ra khỏi nhà ăn, Bác ngồi xuống gốc cây si. Anh em vội lấy ghế mời Bác ngồi, Bác xua tay. Bác mở hộp thuốc lá lấy một điếu đánh que diêm để hút. Bác nhìn quanh, không vút que diêm xuống đất mà bỏ vào trong bao diêm rồi cất vào túi.

Cán bộ, chiến sĩ đứng xung quanh Bác nhìn rõ việc giữ gìn vệ sinh của Bác. Chỉ có một que diêm thôi mà Bác không vút xuống đất. Mới hay, trong

sinh hoạt đời thường của Bác, Bác nêu nhiều nét đẹp cho mọi người noi theo. Anh Bùi Huy Tưởng cũng thấm thía khi Bác căn dặn đơn vị: “Các cháu phải thường xuyên giữ vệ sinh nơi đóng quân. Từ cán bộ đến chiến sĩ phải biết góp phần làm cho đơn vị luôn có phong trào vệ sinh tốt. Các chú còn phải tuyên truyền, vận động nhân dân nơi đóng quân cũng có ý thức giữ gìn vệ sinh tốt như mình”.

Rồi Bác ra bãi tập, khi qua chỗ đi tiểu, anh em xẻ rãnh để đi tiểu, Bác không đồng ý và Bác nói ngay: “Chỗ này phải trồng hàng cây - cây râm bụt, vừa kín đáo, vừa vệ sinh, vừa văn minh. Ngày này sang năm, đơn vị báo cáo cho Bác biết, cây đã tốt như thế nào...”.

Trước khi ra về, Bác ghi vào sổ vàng của đơn vị:

*“Luôn luôn cố gắng học tập
Cố gắng lao động sản xuất
Luôn luôn sẵn sàng chiến đấu
Bảo vệ cách mạng
Bảo vệ Tổ quốc
Chúc các cháu vui vẻ,
mạnh khỏe, đoàn kết, tiến bộ”.*

Bút tích ấy của Bác hiện nay vẫn được lưu ở Viện Bảo tàng Quân đội.

Khi về hưu, anh Bùi Huy Tưởng nhớ lại lần

Bác về thăm đơn vị ở Thập Thành, anh ghi: “Ôn lại câu chuyện đón Bác Hồ năm xưa chúng tôi càng thêm nhớ Bác, nhất là mỗi khi kỷ niệm ngày sinh nhật Bác. Nay tuy đã trở về đời thường, là người cựu chiến binh, nhưng chúng tôi còn ghi nhớ mãi những lời Bác dạy, nhắc nhở chúng tôi mãi mãi giữ vững danh hiệu cao quý “Anh bộ đội Cụ Hồ”, suốt đời học tập và làm theo lời Bác”.

ĐƯỢC GẶP BÁC BẢY LẦN



Là người con của Nam Bộ, Đại tá Trần Công An (Hai Cà), Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, có vinh dự đã được gặp Bác Hồ bảy lần. Ông nhớ lại: Giờ đây cả hai Bác - Bác Hồ và Bác Tôn, đã về cõi tiên. Còn tôi, một người lính của Bác Hồ, trẻ trung trong những năm tháng đầy hy sinh gian khổ, nay cũng đã thành bậc cao niên. Nhưng mỗi lời Bác ân cần dạy bảo như còn văng vẳng bên tai, ấm áp và tha thiết vô cùng.

Thời trẻ anh cán bộ Trần Công An ở trong đội hình đoàn Nam Bộ, hành quân gần bảy tháng, vượt rừng vượt núi, qua sông qua suối để tới Việt Bắc dự Hội nghị về chiến tranh du kích. Đây là vào cuối năm 1952. Cuộc hành quân này dẫu gian khổ nhưng ai nấy đều cảm thấy có sự động viên lớn là đến Việt Bắc có thể được gặp Bác - một nguyện vọng sâu lắng và cháy bỏng của những người con nơi Thành đồng Tổ quốc.

Đoàn đến Việt Bắc an toàn. Lúc ấy, cuộc kháng chiến chống Pháp của quân và dân ta đang

bước vào giai đoạn quyết liệt. Hội nghị chiến tranh du kích mở ra là nhằm tổng kết và rút ra những bài học bổ ích để đẩy mạnh hơn nữa cuộc kháng chiến và giành lấy thắng lợi cuối cùng. Trước ngày khai mạc Hội nghị này, Bác đến thăm các đại biểu. Bác đến bất ngờ, không báo trước. Bác hỏi thăm đoàn Nam Bộ:

- Các chú có khoẻ không?

- Thưa Bác, chúng cháu khoẻ ạ!

- Các chú nói vậy để Bác vui, Bác thấy có chú nước da tai tái, người gầy, chứng tỏ các chú đi đường xa có nhiều vất vả. Hơn nữa, dân ta đang kháng chiến vất vả, thiếu thốn, nên các chú cũng chịu chung sự khổ cực.

Anh em trong đoàn ngồi lặng đi. Anh Trần Công An và mấy anh nữa đều rưng rưng nước mắt. Thì ra, Bác hiểu thấu tất cả, Bác thương hết thấy anh em. Rồi Bác nói tiếp:

- Bác vừa đi chiến dịch Tây Bắc về. Bác tranh thủ tối thăm các chú. Tình hình chiến tranh đang lan rộng, quân Pháp và bọn tay sai đang bị đánh khắp nơi. Nhưng quân Pháp có nhiều súng ống, còn ta vũ khí thì thô sơ lắm. Ta phải xây dựng lực lượng mạnh hơn, tổng kết rút ra những bài học thiết thực, quyết tâm đánh thắng giặc Pháp, đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn.

Bác dừng lại một chút, rồi nói tiếp:

- Hôm nay thời gian không có nhiều. Bác tới thăm các chú trong chốc lát thôi. Lần sau Bác sẽ đến thăm các chú...

Gần một năm ở chiến khu Việt Bắc, vừa dự Hội nghị vừa dự lớp học khoảng sáu tháng, anh Trần Công An có dịp được gặp lại Bác hai, ba lần. Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, anh Trần Công An tập kết ra Bắc, anh được học tập để làm công tác sửa sai về cải cách ruộng đất. Lần này, anh thấy Bác không được vui khi đến thăm các anh.

- Đảng và Chính phủ tiến hành việc cải cách ruộng đất để người cày có ruộng, cuộc sống sẽ được ấm no. Nhưng khi thực hiện, có nơi làm quá, dẫn đến sai lầm. Đã sai thì ta cố gắng sửa chữa. Các chú gắng làm tròn nhiệm vụ của mình trong công tác này.

Anh Trần Công An và các cán bộ nghe Bác nói, ai nấy đều cảm nhận được tấm lòng của Bác là Bác đã thay mặt Đảng và Chính phủ nhận những sai lầm về cải cách ruộng đất và quyết tâm sửa chữa những sai lầm ấy.

Cuối năm 1959, đơn vị của anh Trần Công An được lệnh trở vào Nam chiến đấu. Sau cuộc gặp gỡ của hơn 600 đồng chí của ba đoàn - cuộc gặp mặt này Bác Hồ đã tới thăm. Bác Hồ và Bác Tôn đã tới

Phùng thuộc tỉnh Sơn Tây để gặp đơn vị anh Trần Công An.

Bác bắt tay anh An và nói: “Bác bắt tay chú trưởng đoàn, đại diện cho toàn thể anh em”. Bác căn dặn:

- Chúc các chú lên đường bình an và chiến thắng. Bác gửi lời thăm đồng bào và chiến sĩ miền Nam.

Anh Trần Công An tự thuật về cuộc gặp Bác lần này: “Bác bắt tay tôi, bàn tay thô ráp của tôi trong tay Bác, tôi cảm thấy như có sức lan toả kỳ diệu. Bác truyền sức mạnh cho tôi. Tôi nghẹn ngào, xúc động...”.

Cuộc đời một chiến sĩ, sau này là một cựu chiến binh mà được gặp Bác tới bảy lần, thật là một vinh dự lớn lao...

BÁC YÊU CẦU LÀ BAY ĐƯỢC NGAY CHỨ?



Lần gặp Bác ấy, Trung tướng Nguyễn Văn Tiên nhớ mãi. Thời gian gặp Bác không lâu, nhưng câu chuyện giữa Bác và anh thì đậm đà, thân thiết, khiến anh xúc động và nhớ mãi. Anh nghĩ: trong cuộc đời quân ngũ, mình là người lính nay đây mai đó, mà Bác bận trăm công nghìn việc, lo việc nước, việc dân, mong sao, chỉ được gặp Bác một lần là hạnh phúc lắm rồi. Ngắm đi, ngắm lại, lúc còn tại ngũ, được gặp Bác, thế là trong cuộc đời đã có một dấu ấn sâu sắc lắm. Huống hồ khi đến tuổi, được nghỉ theo chế độ của Nhà nước quy định, có thời gian rộng rãi hơn, bỗng nhiên một lúc nào đó, nghĩ đến một lần gặp Bác, mới càng thấy thấm thía, càng thấy nặng sâu. Điều này, các vị cựu chiến binh thường trao đổi với nhau mỗi khi có cuộc gặp gỡ thân tình.

Lần gặp Bác ấy, anh Nguyễn Văn Tiên vui lắm. Nhận được điện thoại từ vị thư ký của Bác, anh đến nhà sàn nơi Bác ở. Anh ngồi ghế chờ Bác.

Vừa ngồi xuống, anh đã nghe tiếng bước chân Bác đang đi xuống cầu thang gỗ. Anh đứng dậy, đón Bác. Hôm ấy, buổi sáng hơi lạnh, Bác mặc áo bông ấm, gương mặt hồng hào. Bước đi của Bác nhanh nhẹn, Bác nắm tay anh:

- Chú Tiên đấy à?

- Dạ, cháu là Tiên, phụ trách hàng không dân dụng.

Bác ra hiệu tôi ngồi xuống ghế, còn Bác ngồi chiếc ghế đối diện. Bác hỏi với giọng thật vui:

- Chú tên là Tiên, ngộ nhỉ? Tiên này là tiên trên núi phải không?

Nói rồi, Bác dùng ngón tay vẽ lên mặt bàn chữ tiên theo tiếng Hán: gồm hai chữ ghép lại là “Nhân đứng” và “Sơn núi”, vậy nghĩa là ông Tiên trên núi.

Anh Tiên đứng dậy:

- Thưa Bác, không phải chữ tiên ấy đâu ạ! Tiên của cháu là “Tiên trước”, đấy ạ!

- Chú biết tiếng Hán à?

- Dạ, cháu có học ở Trung Quốc.

Bác gật đầu, rồi ôn tồn nói:

- Bác gặp chú hôm nay để hỏi chuyện về cái tổ lái máy bay lên thẳng của bạn. Họ sang mấy người?

- Thưa Bác, hai người. Một người lái và một thợ máy. Người lái có vợ và một con cùng đi.

- Chú bố trí cho họ ăn nghỉ ở đâu?

- Thưa Bác, ở khách sạn Kim Liên, khu vực dành cho người nước ngoài.

- Chú phải kiểm tra, bố trí cho họ ăn nghỉ đảm bảo, nhất là gia đình người lái có vợ con ở chung. Chính phủ Liên Xô đã quan tâm giúp đỡ ta, ta phải đối xử chu đáo, lịch sự.

Thời điểm ấy, Liên Xô tặng Bác một máy bay trực thăng MI-4 để Bác đi công tác và cử người lái sang giúp ta.

Bác hỏi:

- Tình hình máy bay thế nào?

- Thưa Bác, máy bay tốt, khi cần là bay được ngay.

Bác hạ giọng:

- Ngành hàng không dân dụng của ta còn non trẻ, anh em lái chưa giỏi, nên Liên Xô phải cử người sang giúp. Khi nào anh em ta lái thạo rồi thì thôi...

- Thưa Bác, cháu cũng đã bố trí cho một thợ máy của ta bay tập với bạn trong thời gian Bác không đi công tác.

- Chú làm thế là tốt. Khả năng bay của anh em ta hiện nay thế nào?

- Thưa Bác, anh em bay được nhưng kinh nghiệm chưa nhiều. Bay bình thường thì được, nhưng bay chuyên cơ thì chúng cháu chưa yên tâm.

- Đời sống sinh hoạt của anh em ta thế nào?

- Anh em đều ở khu vực sân bay Gia Lâm, điều kiện ăn ở tương đối tốt ạ.

Rồi Bác nói với anh:

- Hôm nay Bác hỏi chuyện chú về việc ấy thôi. Khi nào Bác yêu cầu là bay được ngay chứ?

- Thưa Bác, bay ngay được ạ!

Anh đứng dậy chào Bác ra về. Cuộc gặp Bác làm anh xúc động mãi.

NỮ TƯỚNG HỌ NGUYỄN



Cô Ba Định - Thiếu tướng Nguyễn Thị Định, Phó Tư lệnh lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam - quê Bến Tre, Nam Bộ. Cô gái quê xã Lương Hoà, huyện Giồng Trôm sớm giác ngộ cách mạng, hoạt động hăng hái, 18 tuổi được kết nạp vào Đảng Cộng sản, 20 tuổi bị thực dân Pháp đày ở Bà Rá ba năm. Ra tù, lại tiếp tục hoạt động cách mạng.

Được chỉ định ở lại sau cuộc kháng chiến chống Pháp, cô Ba Định tham gia Thường vụ tỉnh uỷ Bến Tre. Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, nguy quyền Ngô Đình Diệm đánh phá quyết liệt phong trào cách mạng. Một tư lệnh cho hay: tỉnh có 2.000 đảng viên, đến khi nổ ra cuộc Đồng khởi, Bến Tre chỉ còn lại 162 đảng viên. Cô Ba Định nhờ có sự chở che của đồng bào nên được an toàn.

Mùa xuân năm 1946, cô Ba Định được đi trong phái đoàn Nam Bộ ra miền Bắc báo cáo với Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ về tình hình phong trào ở miền Nam và xin vũ khí cho Nam Bộ. Cô Ba Định ghi lại cuộc đi lịch sử này trong bài

viết: “Hình ảnh Bác Hồ”, một mảng trong tập hồi ký của nữ tướng miền Nam: “Đoàn chúng tôi theo đường biển đi từ Bến Tre đến Phú Yên. Lần đầu tiên lên đênh trên biển, nhiều người say sóng nằm liệt. Nặng nhất là bác sĩ Trần Hữu Nghiệp. Chỉ có tôi và anh Ca Văn Thỉnh khá nhất, nhờ nhịn ăn và không nằm. Từ Phú Yên chúng tôi ngồi xe lửa ra Hà Nội... Chiều tháng 5, nắng hè rực rỡ, chúng tôi đang ngồi chuyện trò thân mật tại nhà anh Đặng Thai Mai, hồi đó là Bộ trưởng Bộ Giáo dục, thì nghe tiếng ô tô đậu trước cổng. Một ông già phúc hậu, người dong dỏng cao, thoăn thoắt bước vào. Đúng là Bác rồi. Bác giống hệt như trong ảnh mà tôi đã thấy. Tôi đứng im nhìn Bác. Ôi! Ước mơ của tôi ngờ đâu sớm thành sự thật.

Lần đầu tiên gặp Bác một cách bất ngờ, tất cả chúng tôi hết sức cảm động bởi đôi mắt của Bác, đôi mắt sáng ngời, đầy ý chí kiên quyết, nhưng đồng thời cũng thân thương trù mẫn, hiền hậu vô biên. Bác ung dung, tươi vui. Bác cười niềm nở, bắt tay từng người rồi ngồi bên cạnh tôi. Bác hỏi thăm sức khoẻ từng đồng chí trong đoàn. Nhưng tất cả đều nghẹn ngào, không ai thừa với Bác được một lời...”.

Đây là lần đầu tiên cô Ba Định được gặp Bác. Sau cơn nghẹn ngào xúc động, cô thừa với Bác ý định của đoàn ra miền Bắc lần này. Nghe xong Bác

nói: “Trong đây thiếu thốn súng đạn lắm. Các cô, các chú muốn xin bao nhiêu khẩu mang về? Trung ương và Chính phủ có súng gửi vào Nam. Nhưng nước ta còn nghèo, các cô, các chú về phải đánh Pháp cho giỏi, cướp lấy súng của nó mà dùng thì mới có nhiều vốn”.

Cô Ba Định viết tiếp:

“Lần Bác đến thăm ấy, chúng tôi được ăn cơm với Bác. Đây là bữa cơm do gia đình anh Đặng Thai Mai mời. Vừa ăn cơm vừa nói chuyện, Bác nói: “Ta phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng để giữ gìn đất nước. Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng thắng lợi nhất định thuộc về dân tộc ta”. Bữa cơm ấy để lại những dấu ấn sâu sắc trong lòng chúng tôi... Làm việc ở Hà Nội một thời gian, rồi tôi được trở về miền Nam. Các anh trong đoàn ở lại miền Bắc làm thêm một số việc rồi về sau. Chỉ có mình tôi nhận súng, tiền và tài liệu của Trung ương mang về Nam Bộ. Trên đường về, với con thuyền bao tháng ngày lênh đênh trên mặt biển, nhờ có sức mạnh Bác truyền cho, với quyết tâm sẽ về tới Nam Bộ, tôi tự nhủ: dù có chết cũng không để vũ khí rơi vào tay địch. Tôi mang vũ khí, tài liệu về đến khu rừng Thanh Phú giao lại cho anh Trần Văn Trà, hồi đó là Tư lệnh khu Tám. Anh Trà nhận tất cả số vốn quý báu của Bác và Chính phủ gửi cho Nam Bộ mà tôi đã được vinh dự áp

tải từ miền Bắc về. Tôi lại tiếp tục công tác tại Bến Tre...”.

Đánh Pháp, cô Ba Định góp phần xứng đáng của mình cùng với nhân dân Bến Tre suốt chín năm ròng. Sau năm 1954, cô Ba Định cùng với đồng bào Bến Tre bước vào cuộc đấu tranh chống Mỹ và tay sai quyết liệt hơn, gian khổ hơn. Những kỷ niệm về Bác đối với cô Ba Định càng thêm sâu đậm. Lại xin được trích mẩu hồi ký trên của cô Ba Định về những ngày đánh Mỹ: “Năm 1968, tôi vô cùng cảm động nhận món quà quý của Bác. Chiếc lược làm bằng mảnh xác máy bay giặc Mỹ, bị bắn rơi trên miền Bắc, Bác gửi cho cả hai cháu Châu và Quyên nữa. Chiếc lược đơn sơ và sáng đẹp làm sao. Dòng chữ “Không có gì quý hơn Độc lập Tự do” rõ nét trên mặt kim loại trắng như nhắc nhở chúng tôi luôn luôn làm theo lời Bác.

Cuối năm 1968, Bác lại gửi cho tôi chiếc Huy hiệu có hình ảnh của Người. Vinh dự và cảm động biết bao khi đeo chiếc Huy hiệu của Bác lên ngực áo, bên trái tim mình. Tôi hiểu đây là phần thưởng cao quý của Bác dành cho phong trào phụ nữ miền Nam. Tôi hứa cố gắng không ngừng để xứng đáng với Bác, với đồng bào miền Nam yêu quý.

Nhớ hồi kháng chiến chín năm, tôi đã giữ chiếc Huy hiệu của Bác như giữ niềm tin sâu sắc. Những lúc không đeo trên ngực thì tôi gói chiếc Huy hiệu

vào một mảnh lụa và mang theo bên mình. Chiếc Huy hiệu ấy giúp tôi làm tốt công tác vận động quần chúng. Mỗi khi đến nơi nào là tôi đưa chiếc Huy hiệu ấy cho mọi người xem để thuyết phục và cổ vũ họ làm những việc ích nước lợi dân, làm theo lời dạy của Bác...”.

Năm 1975, chiến tranh chống Mỹ kết thúc, vị tướng Phó Tư lệnh quân giải phóng miền Nam về Thủ đô nhận công tác. Bà là uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá V, khoá VI; đại biểu Quốc hội khoá VI, khoá VII. Rồi bà nhận chức Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước.

Khi chuyển ngành, bà là một cựu chiến binh luôn tận tụy với công việc được giao phó và luôn phát huy được bản chất tốt đẹp của “Bộ đội Cụ Hồ”. Đời bà, một nữ tướng lừng danh đã có biết bao nhiêu kỷ niệm sâu sắc với Bác Hồ. Những kỷ niệm ấy với bà là nguồn động viên lớn lao trên bước đường phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân.

“ÁNH MẮT BÁC NHƯ NHÌN ĐÚA CON ĐI XA VỀ...”



Đại tá, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Hồ Thị Bi, khi nghỉ hưu, bà tham gia Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh. Thời trẻ, cô Năm Bi là người đánh giặc nổi tiếng ở vùng Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sách *“Nữ Anh hùng lực lượng vũ trang Quân khu 7”* viết: “Xuất phát từ một gia đình nghèo, sớm bị mồ côi cha mẹ, Hồ Thị Bi phải đi ở đợ. Kháng chiến chống Pháp, bà đã tập hợp chị em đánh địch ngay tại Hóc Môn, thu vũ khí chiến lợi phẩm về làm vật bảo chứng để xin tòng quân. Hồ Thị Bi là trưởng Ban công tác số 12 - đơn vị tiền thân của đặc công, biệt động Sài Gòn. Bà đem hai con gửi bà con nuôi giúp, tự thành lập được một đơn vị - Ban công tác số 12 - tự trang bị vũ khí, đánh địch. Vừa chỉ huy Ban công tác số 12, vừa kiêm Đại đội trưởng Đại đội 2804 Hóc Môn, rồi làm Tiểu đoàn phó Tiểu đoàn 935 thuộc Trung đoàn 312 Gia

Định. Bà góp phần làm kinh tế ở ngoại thành nuôi được cả Trung đoàn 312.

Thành tích của bà được Bác Hồ khen là: “Gương sáng tích cực kháng chiến cho các chị em phụ nữ noi theo”. Đại đội do bà chỉ huy, có hàng binh Pháp, Đức, Nhật, nhưng tất cả đều cảm phục, quý mến bà... Kháng chiến chống Mỹ, bà Hồ Thị Bi công tác ở cơ quan Bộ Quốc phòng. Năm 1973, bà được cử vào chiến trường miền Nam. Lúc đó bà đã gần 60 tuổi. Cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam, bà là Phó Chủ nhiệm chính trị Bộ Chỉ huy quân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà đã góp phần giải quyết tốt chính sách hậu phương quân đội... Bà cùng bà Ngô Thị Huệ - vợ của đồng chí Nguyễn Văn Linh, đã mở cuộc vận động, quyên góp xây dựng Nhà Bảo tàng Phụ nữ Nam Bộ ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Hồ Thị Bi là một nữ sĩ quan chỉ huy đã trải qua bao cuộc kháng chiến và đã có nhiều cống hiến cho Tổ quốc. Bà đã được tặng nhiều huân chương. Ngày 20 tháng 12 năm 1994, Đại tá Hồ Thị Bi được Chủ tịch nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân...”.

Cuộc đời chiến đấu của bà là một tấm gương sáng. Bà đã được gặp Bác Hồ nhiều lần, nghe Bác dạy bảo và động viên, bà ghi nhớ mãi. Bà nhớ đời mình có những “bước ngoặt” quan trọng. Đó là vào

tháng 10 năm 1953, Đại úy, Tiểu đoàn phó Hồ Thị Bi cùng đoàn cán bộ miền Nam bí mật vượt Trường Sơn ra Bắc theo sự điều động của cấp trên. Ra Bắc lần này, cô Năm Bi công tác ở Cục Chính sách, Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam. Công tác ở đây, cô được mấy lần gặp Bác và các đồng chí lãnh đạo ở Trung ương.

Lần gặp Bác để lại những dấu ấn sâu sắc nhất là vào năm 1954. Bà kể:

“Tháng 9 năm 1945, khi nghe tin nước nhà được độc lập, Chính phủ mới ra mắt quốc dân, chị em chúng tôi trong đội quân tham gia khởi nghĩa Nam Kỳ mừng lắm. Lúc ấy, chúng tôi chưa biết nhiều về Chủ tịch Hồ Chí Minh. Mới hưởng độc lập được vài tháng, quân Pháp gây hấn, trở lại xâm lược nước ta. Nghe Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Bác, nhiều thanh niên trai tráng “ra đi theo tiếng kêu sơn hà nguy biến”. Chủ tịch Hồ Chí Minh là thần tượng cao cả, chúng tôi càng mong có ngày được gặp Người”.

Bà kể tiếp:

“Năm 1954, hoà bình lập lại, tôi được chọn trong số chiến sĩ miền Nam đánh giặc giỏi, ra Bắc để được gặp Bác Hồ. Khi ấy Chính phủ chưa về Hà Nội, còn ở Đèo Khế. Tôi nghe tin được lên gặp Bác mà lòng vui sướng vô hạn. Tôi mang ba lô, sắm sửa đi gặp Bác với nỗi lòng khắp khởi, vui lạ. Tưởng

như đến Đèo Khế được gặp Bác ngay, nhưng đến nơi hình như Bác muốn chúng tôi được nghỉ ngơi cho lại sức, sáng mai Bác mới gặp.

Sáng hôm sau, tôi ngồi ăn cơm với anh Tố Hữu, vừa ăn vừa mong ngóng đến giây phút gặp Bác. Tôi đang kể chuyện cho anh Tố Hữu nghe, bỗng nghe từ trên đồi có tiếng nói vọng xuống: “Ai mà nói rồn rảng vậy, có phải nữ kiệt miền Đông đó không?”. Trời ơi! Một câu hỏi mang cốt cách Nam Bộ. Tiếng nói âm vang chân tình như người cha gọi con. Rồi Bác đến, Bác Hồ đến. Chúng tôi ùa ra đón Bác”.

Cuộc gặp Bác lần này, “Nữ kiệt miền Đông” quá xúc động, bà nghẹn lời, không nói được câu nào. Bác trân trọng với tình cảm đó.

Trong cuộc đời chiến đấu, gặp bao nhiêu gian lao, hiểm nguy, có lúc cái chết đã kề bên, bây giờ có giây phút này - giây phút được ở bên Bác, bà cảm thấy hạnh phúc đến ứa nước mắt. Bà ngược nhìn Bác mà lòng rưng rưng. Bác nhìn người “Chiến sĩ họ Hồ” với ánh mắt trù mến, yêu thương. Cuộc gặp ấy, bà đã để lại một câu nói nổi tiếng - câu nói đã được nhiều sách báo ghi lại: “Ánh mắt Bác như cha nhìn đứa con đi xa về...”. Ngợi ca Bác đã có nhiều câu nói mang dấu ấn sâu sắc, trở thành “danh ngôn”, ví như câu của cụ Phan Kế Toại, nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ: “Hồ Chí Minh

như trái núi nam châm. Bác có sức hút mãnh liệt và sức toả rộng lớn”. Và đây là câu nói của ông Nguyễn Xiển, nguyên Tổng thư ký Đảng Xã hội Việt Nam: “Lá cờ đỏ sao vàng với cặp mắt Bác Hồ, đó là mùa xuân của dân tộc và cũng là mùa xuân của đời tôi”.

“Ánh mắt như nhìn đứa con đi xa về”, câu nói biểu hiện thăm thẳm chiều sâu của tình cảm, biểu hiện sự khát khao của “Cô gái Nam Bộ” qua cuộc chiến đấu đầy ác liệt nơi chiến trường “Thành đồng Tổ quốc”, vượt qua nghìn dặm đường để được gặp Bác sau bao nhiêu tháng năm mong đợi. Một lần gặp Bác, nguồn vui cả đời.

TỪ VÙNG NÚI LŨNG HOÀNG



Năm 16 tuổi, cô gái Tày họ Đàm đã là Đội phó Đội tự vệ tỉnh Cao Bằng. Hoạt động trong bóng tối - năm 1941 - cô bám sát cơ sở, tuyên truyền vận động quần chúng tham gia cách mạng, được bà con chở che, đùm bọc, nên cả đội cũng như bản thân cô được an toàn.

Cuối năm 1941, đội tự vệ được đón mấy cán bộ đến thăm phong trào địa phương tại vùng núi Lũng Hoàng. Trong đoàn có một ông cụ già giới thiệu là Ông Ké. Ông Ké hỏi thăm tình hình hoạt động của đội tự vệ, đời sống của bà con và dặn dò về sự hoạt động bí mật, vì kẻ địch luôn do thám, lùng sục để bắt bớ những người hoạt động cách mạng. Lần ấy, cô gái họ Đàm đã hát cho Ông Ké nghe mấy bài mang làn điệu dân ca Tày. Sau này cô được biết, Ông Ké chính là Bác Hồ. Cô nghĩ: thật là vinh dự được hát cho Bác nghe ngay từ thời còn hoạt động bí mật.

Cô gái Tày ấy là Đàm Thị Loan, quê bản Ảng Giàng, xã Bình Long, huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng.

Rời khỏi Đội tự vệ Cao Bằng, cô đi theo Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân. Qua học tập, rèn luyện, cô dần dần trưởng thành. Sau Cách mạng tháng Tám vài ba ngày, chi đội Quân giải phóng do chi đội trưởng Đàm Quang Trung chỉ huy tiến vào Hà Nội, trong đội quân ấy có Đàm Thị Loan.

Tháng 9 năm 1945, trung đội tự vệ chiến đấu Minh Khai được thành lập tại Hà Nội. Nữ Giải phóng quân Đàm Thị Loan được trên chỉ định phụ trách trung đội này. Đội có hơn 30 chị em, hầu hết là nữ sinh Hà Nội, tuổi từ 18 đến 20. Đơn vị sống tập trung, mặc quân phục may bằng vải ka ki, thắt lưng to, đi giày.

Đội trưởng Đàm Thị Loan nhớ lại ngày Bác Hồ tới thăm đơn vị, lúc ấy đơn vị đóng ở trường Hàm Long. Lại thêm một lần, cô đội trưởng tự vệ người Tày được gặp Bác.

Đây là vào khoảng giữa tháng 10 năm 1945 - Đàm Thị Loan kể: “Bác đến, đồng chí Nội đứng gác, lúng túng bỗng sững chào. Tôi vừa đi tới, Bác hỏi ngay: “Cô Loan đấy à?”. Tôi dạ to và mời Bác vào văn phòng Hội Phụ nữ cứu quốc thành phố, nhưng Bác lại đi thẳng xuống nhà bếp. Bác hỏi: “Chương trình luyện tập thế nào và chị em ăn có no không?”. Bác đi thăm nơi nghỉ của đội Bác hỏi: “Sao quân số gần 40 người mà chỉ có 14 chiếc giường?”. Tôi thưa với Bác: hiện nay giường còn

thiếu, chị em phải nằm trên sàn nhà. Đầu tháng sau, Thành hội sẽ cấp đủ giường. Còn ăn, cơm nấu bằng gạo hẩm, thức ăn thì có dưa cà, vùng, lạc...". Nghe tôi báo cáo xong, Bác căn dặn: "Giặc đến nhà, đàn bà cũng đánh", đây là truyền thống đánh giặc giữ nước của ông cha ta. Nay, nước nhà mới giành được độc lập, gái trai đều bình đẳng, các cháu phải góp sức để giữ nền độc lập mà ta vừa giành được...".

Một trong những kỷ niệm sâu sắc nhất của nữ Giải phóng quân Đàm Thị Loan là được gặp Bác trong ngày lễ Tuyên ngôn Độc lập mùng 2 tháng 9 tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội. Lúc ấy, đồng chí Đàm Quang Trung gọi chị lên và nói: "Chi đội giao cho đồng chí Loan ngày mai mùng 2 tháng 9 sẽ kéo cờ Tổ quốc tại Quảng trường Ba Đình".

Nhận nhiệm vụ, chị cảm thấy đây là vinh dự lớn. Tại buổi lễ này, thế nào chị cũng được gặp Bác. Chị kể: "Tôi mặc bộ quần áo màu lam. Đúng 2 giờ chiều, tôi được gọi lên đứng ở dưới chân cột cờ. Ban tổ chức đã chọn một nữ sinh Hà Nội cùng với tôi kéo cờ. Sau này, nhân một cuộc gặp mặt ở Viện Bảo tàng Quân đội, tôi mới biết cô nữ sinh cùng kéo cờ với tôi là Lê Thị, nữ chiến sĩ quyết tử quân của Thủ đô. Khi được lệnh kéo cờ, chúng tôi kéo lá cờ đỏ sao vàng lên đỉnh cột cờ, lúc ấy, có gió to, lá cờ bay phấp phật".

Về Hà Nội, gia đình bà ở trong một căn nhà ấm cúng. Bà với ông - cố Đại tướng Hoàng Văn Thái, đông con, nên căn nhà lúc nào cũng đầy tiếng cười. Lần Bác Hồ đến thăm gia đình, Bác đã nói vui: “Bác đến thăm nhà cô, Bác cứ tưởng là mình vào nhầm nhà trẻ”.

Bây giờ, bà đã đi qua tuổi “cổ lai hy”. Người nữ Giải phóng quân năm xưa - một cựu chiến binh, vẫn nhớ những lần gặp Bác, những lời Bác dạy bảo. Chồng bà - cố Đại tướng Hoàng Văn Thái thường nói với bà: “Bác chăm sóc tất cả mọi người. Được gần Bác, đi theo Bác làm cách mạng là vinh dự của cả một đời người. Gia đình ta được Bác chăm sóc nhiều, công ơn ấy xin mãi ghi lòng tạc dạ”.

Có một lần, bà theo đoàn cựu chiến binh thành phố Hà Nội về thăm Cao Bằng. Đây là dịp bà được về thăm quê. Bà nhớ đến ông. Vì khi còn sống, Tướng Hoàng Văn Thái vẫn thường trở lại chiến khu Cao Bằng. Bà về thăm ngôi nhà của mình - ngôi nhà đã trở thành “Địa chỉ đỏ” được nhân dân gìn giữ cẩn thận. Bà nhìn thấy chiếc gùi, thỏ nhỏ, bà vẫn dùng. Thăm quê, bà lại nhớ đến lần gặp Bác đầu tiên, ấy là vào năm 1941 ở vùng núi Lũng Hoàng, Cao Bằng. Lần gặp Ông Ké năm ấy, bà nghĩ đây là kỷ niệm mang một dấu ấn sâu sắc trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của bà.

TẤM LÒNG CỦA BÁC: TRỜI BIỂN BAO LA



Cái đêm mùa hè năm 1950 ấy, chị Nguyễn Thị Chiên không bao giờ quên. Đêm ấy, chị dẫn một đoàn cán bộ gồm các Bí thư và Chủ tịch xã, cùng đại diện cấp uỷ và chính quyền huyện Kiến Xương, Thái Bình từ khu du kích Đình Phùng về qua Cầu Trục, xã Doãn Thông. Đây là đoạn đường địch hay phục kích để bắt cán bộ ta. Chị đã thống nhất ám hiệu với đoàn - đoàn cán bộ đi sau chị 200 mét, khi gặp địch, chị sẽ nói to: “Tôi đi buôn bán, lạc đường về muộn”, để anh em rút lui về khu an toàn.

Chị gặp một toán lính đông - nhiều tên trong bọn này đã biết mặt chị - biết là mình đã sa vào tay địch, chị nói to câu ám hiệu trên, nên đoàn cán bộ lùi lại an toàn. Chúng đưa chị về bốt để tra tấn. Chúng bảo chị ngồi vào ghế, treo hai tay chị lên xà nhà, rồi chúng đập đổ ghế, thế là chị bị treo lơ lửng, toàn thân như tê liệt. Bị địch bắt, chị đã xác định: mình là đảng viên (chị được kết nạp vào Đảng năm 1948), phải giữ lời thề trước cờ Đảng khi được kết nạp, dù bị tra tấn dã man đến đâu cũng quyết không khai báo. Rồi chúng cho điện

chạy qua mang tai, toàn thân chị đau nhức nhối, chị cắn răng chịu đựng. Địch càng đánh, chị càng lì ra. Trước sau chỉ nói một câu: “Tôi đi buôn bán, lạc đường về muộn”.

Tra tấn không mang lại kết quả như ý chúng muốn, bọn địch dẫn chị ra Cầu Trục để chuẩn bị bắn. Chị bình tĩnh, nhắm lại trong đầu những khẩu hiệu sẽ hô: “Hồ Chủ tịch muôn năm!”, “Đảng Cộng sản Đông Dương thành công muôn năm!”, “Đã đảo đế quốc”... Nhưng rồi chúng không bắn. Chúng nghĩ chị chẳng còn sống được mấy hơi nữa nên bỏ chị ở bãi tha ma đầu cánh cổng làng. Vì bị tra tấn hàng tháng trời, chân đóng vào cùm sắt nên bị teo lại, thối rữa từng phần thịt. Tay bị trói lâu, oặt ra và liệt hẳn. Chị nằm đấy suốt đêm. May sao, mấy bà đi chợ qua cống chị về, rồi cơ sở đưa chị qua sông sang huyện Trục Ninh chạy chữa. Vết thương lành, chị lại trở về tiếp tục sinh hoạt Đảng và hoạt động. Chị Nguyễn Thị Chiên kể: “Từ sau lễ kỷ niệm sinh nhật Bác Hồ ngày 19 tháng 5 năm 1950, quê tôi như được Bác Hồ tiếp sức cho, đã vùng lên phối hợp với bộ đội chủ lực quét sạch từng mảng hệ thống bình định và o ép của địch. Nhưng cũng lúc đó, người anh ruột duy nhất của tôi bị địch giết, sau khi chúng đe dọa anh tôi, bắt đi kiểm tôi về nộp mạng cho chúng, anh tôi chỉ một mực: “Nó bỏ nhà đi từ lâu. Nó đi đâu tôi không biết”. Chúng giết chết anh tôi ngay giữa sân nhà. Tôi mồ côi từ bé. Cha mẹ bị nạn đói cướp mất.

Còn lại người anh duy nhất thì nay cũng bị giặc giết. Nỗi đau thương đó càng nuôi chí căm thù của tôi, quyết tâm đánh giặc, để xứng đáng là người chiến sĩ du kích của Bác Hồ...".

Chị Chiên được bầu là Chiến sĩ thi đua của bộ đội địa phương tỉnh Thái Bình. Chị và đoàn đại biểu Thái Bình đi dự Đại hội Chiến sĩ thi đua Liên khu Ba ở Chi Nê - Xích Thổ. Rồi chị lại được chọn đi dự Đại hội Chiến sĩ thi đua toàn quân ở Thái Nguyên. Trên đường đi, qua Hoà Bình, Phú Thọ, anh chị em trong đoàn lại làm "văn nghệ dọc đường" bằng những câu hò tự sáng tác: "*Rằng đây là đất tự do / Có Trung ương, có Bác Hồ ai ơi!*" và "*Nhớ lời ước được như lời / Chúng con lại được gặp Người, Bác ơi!*".

Sau mấy ngày "hành quân" mệt nhọc, đoàn đã đến một khu đồi giữa dãy rừng già. Chị Nguyễn Thị Chiên nhớ lại: "Đường lên đồi khá dốc. Tôi gánh nặng lặc lè, lại leo ngược, ỉ ạch mãi. Bỗng thấy ở phía trước đám người đang đi và cả người ở đâu đó đổ đến khá đông, họ chạy lên phía trước, xô đẩy nhau. Tôi ngẩng lên ngo ngác thì có tiếng reo: "*Bác Hồ! Bác Hồ kia rồi!*". Tôi đang thở dốc, nghe vậy cũng vụt chạy lên. Trước mặt tôi, hiện ra một cụ già trong bộ quần áo nâu giản dị. "*Đúng Bác Hồ thật rồi!*". Linh tính giúp tôi nhận ra Bác từ xa. Bác đội chiếc mũ lá cọ rộng vành, một tay cầm cái quạt lá cọ giờ lên, phe phẩy như vẫy đám con cháu đang

ùa đến. Tôi ríu cẳng lao về phía Người. Tôi nhìn rõ chiếc khăn màu xanh lá cây ở vai Bác. Bác lấy khăn thấm giọt nước mắt xúc động. Đôi guốc mộc dưới chân Bác đã mòn vẹt như các ông lão quê rất gần gũi. Tôi chỉ còn cách Bác mười bước. Bỗng nghe tiếng Bác hỏi: “Đoàn Thái Bình đâu, chỉ cho Bác biết?”. “Dạ thưa Bác, kia ạ!”. mấy anh phía trước chỉ xuống chỗ chúng tôi đang đi tới. Bác đến trước mặt chúng tôi. Bác bắt tay anh chị em đến trước. Tôi hồi hộp đặt gánh xuống và đứng sững người. Bác Hồ hỏi: “Thế cháu Chiên đâu?”. Tôi khóc rất to: “Thưa Bác, cháu đây ạ!”. Tôi ôm chặt lấy chân Bác và khóc nức nở...”.

Bác dỗ dành chị Chiên: “Cháu Chiên, cháu nín đi, đừng khóc nữa. Cháu đã gặp Bác, cháu đã ra với Trung ương Đảng và Chính phủ, sao cháu không mừng lại khóc. Cháu đứng dậy đi”.

Rồi Bác hỏi: “Bây giờ cháu không còn bố mẹ, vậy cháu ở với ai ở quê?”.

Chị nghĩ: vậy là Bác đã thấu rõ hoàn cảnh của chị và chị lại khóc thút thít.

Lần này, Đại đội Chiến sĩ thi đua toàn quân mở ở Chợ Chu thuộc huyện Định Hoá. Đại hội đã được nghe thư của Bác. Bác nhắc nhở anh chị em phải khiêm tốn học hỏi lẫn nhau và luôn ghi nhớ tình thương yêu đùm bọc của nhân dân.

Năm 1952, vào tháng 5, “Đại hội liên hoan

Anh hùng chiến sĩ thi đua Công - Nông - Binh toàn quốc” được mở ở Tuyên Quang. Chị Nguyễn Thị Chiên là đại biểu dự Đại hội này. Tại Đại hội, chị được gặp cụ Hoàng Hanh - người cao tuổi nhất, đồng chí Ngô Gia Khảm, anh La Văn Cầu... Bản báo cáo của chị Chiên (trong đó có trận đánh bắt An Bồi, chị là trung đội trưởng chỉ huy trận đánh) làm cả hội trường xúc động.

Chị vừa báo cáo xong thì Bác đứng dậy nói: “Cháu Chiên như vậy là chiến đấu rất dũng cảm, thành tích của cháu rất xứng đáng được khen thưởng. Nhưng cho đến nay, cháu vẫn chưa đạt được ước mơ rất chính đáng: có một khẩu súng ngắn để giết giặc lập công. Bây giờ Bác thay mặt Đảng và Chính phủ tặng cháu khẩu súng này. Khẩu súng của Bác hơi nặng, sức con gái mang có thể chưa vừa lắm. Cháu cứ tạm nhận. Bác sẽ nói với các đồng chí tìm kiếm một khẩu súng ngắn nhẹ hơn, nhỏ hơn cho cháu”.

Sau Đại hội, chị Chiên bị một trận ốm nặng. Những vết thương cũ lại đau nhức nhối. Chị ở lại Việt Bắc để chữa bệnh. Rồi chị về công tác ở Cục Tổ chức, Tổng cục Chính trị, làm công tác khen thưởng.

Năm 1954, hoà bình, cơ quan chuyển về Hà Nội. Năm 1955, chị xây dựng gia đình. Khi biết tin chị có mang, Bác động viên: “Thế là cháu đã có tin mừng. Bác mừng cho hạnh phúc của các cháu”. Rồi chị Chiên được chuyển về Bộ Tư lệnh Thủ đô làm

công tác theo dõi phong trào dân quân tự vệ. Tháng 3 năm 1967, chị Chiên sinh cháu gái, đặt tên cháu là Hà.

Nhớ lại lần sinh này, chị kể:

“Bác gọi điện thoại sang cơ quan anh - anh Lê Anh Tài, chồng chị công tác ở Tổng cục Chính trị, hỏi thăm em đã sinh chưa. Anh báo cáo Bác: “Dạ!”. Bác lại hỏi “Thằng cu hay cái tí?”. Anh trả lời: “Dạ thưa Bác, cái tí ạ”. Bác cười vui vẻ: “Con gái đầu lòng là quý lắm đó”. Bác rất mừng khi biết tin em mẹ tròn con vuông...”.

Cháu Hà lên hai tuổi thì Bác qua đời. Biết tin chị Chiên ngất đi, sau phải cấp cứu mới tỉnh lại. Hôm đi viếng Bác, chị cố nén xúc động, nhưng rồi cũng ngã xuống, bất tỉnh. Hôm ấy, phải cấp cứu mấy người, trong đó có chị Chiên.

Bây giờ nhớ lại những lần gặp Bác, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, cựu chiến binh - Trung tá Nguyễn Thị Chiên bộc lộ tình cảm của mình: “Trong muôn vàn tình yêu thương của Bác Hồ gửi lại, thì chắc hẳn có tấm lòng thương yêu của Bác đến vợ chồng, mẹ con tôi, đặc biệt đối với tôi - một phụ nữ thương binh mà kẻ thù đã tuyên án tử hình và những nhát dao, mũi kiếm chúng đã để lại bao thương tích trên người tôi. Tấm lòng thương yêu của Bác đối với tôi, thật ví như trời biển bao la vẫn chưa thoả đáng”.

TRONG TÌNH THƯƠNG YÊU LỚN



Chị Trần Thị Lý đau đớn nằm trên giường bệnh. Nhà thơ Liên Xô An-tô-kôn-sky đến thăm chị. Anh bỗng khóc oà khi đứng bên chị. Anh thốt lên: “Đau đớn thay, lòng hỡi, chị đây sao?”. Chị nhìn nhà thơ rưng rưng: “Đồng chí Liên Xô, xin đừng khóc”. Nghe chị nói, An-tô-kôn-sky lại khóc to. Và những câu thơ tự đáy lòng anh cất lên:

*Chúng treo tôi rồi ném tôi xuống đất
Điện cháy bỏng người, chúng khảo tra tôi
Chúng run lên, găm lên như thú dữ
Khi thấy tôi hơi thở đang còn.
Một lời cũng không khai. Không một chữ
Không khóc than! Im lặng chết là hơn*

...

*Tôi sẽ sống đập lên đầu cái chết
Tội ác này anh kể cho châu Âu nghe...*

Rồi mấy nhân viên của Ủy ban Quốc tế đến thăm chị. Vừa bước chân vào phòng chị nằm, đồng chí Ba Lan trong đoàn đã khóc oà lên. Đại diện

Ấn Độ nước mắt rưng rưng. Người Canada chăm chú nghe, đầy vẻ thán phục.

- Đây là sự thật, sự thật này có đúng là đã xảy ra ở vùng miền Nam không? - Đại biểu Canada hỏi.

- Tôi là con gái mới lớn lên, tôi không biết nói dối. - Chị Lý đáp.

Chị tháo băng cuốn ở ngực, ở bắp vế ra. Đồng chí Ba Lan khóc càng to hơn và rồi ngất đi. Các đại biểu Ủy ban Quốc tế nhìn chị, không ai muốn rời khỏi căn phòng người “Con gái dũng cảm” đang nằm ở nhà A1 Bệnh viện Việt Xô.

Bác đến thăm chị. Cùng đi với Bác có Thủ tướng Phạm Văn Đồng. Bác hỏi thăm sức khỏe chị và động viên chị cố gắng chịu đựng để chữa các vết thương. Chị thưa với Bác:

- Cháu được sự chăm sóc của các anh, các chị, cháu lại được gặp Bác là vinh dự lớn cho cháu. Cháu nghĩ những quà tặng này không phải cho riêng cháu, mà cho các anh, các chị, các đồng chí ở miền Nam. Cháu được nằm trên giường bệnh, các anh, các chị còn ở trong lao tù, khổ cực lắm.. Cháu đề nghị Bác và các chú cho gửi những quà này về miền Nam.

Bác nhìn chị Lý, giọng chùng xuống:

- Quà của cháu đấy, sao cháu không nhận để kỷ niệm?

- Thưa Bác, cháu được thế này là đủ rồi ạ!

Bác ứa nước mắt. Bác và Thủ tướng Phạm Văn Đồng hôn lên trán chị.

Bác Tôn Đức Thắng đến thăm chị. Bác cầm bàn tay chị, nói nhẹ nhàng:

- Bữa nay, Đảng Cộng sản Pháp và kiều bào ở Pháp đã gửi cho con một số tiền lớn.

Chị cầm một số phiếu rồi ghi: “Tôi xin gửi tất cả số tiền này tặng cho các cháu miền Nam. Ký tên: Trần Thị Lý”. Chị thưa với Bác Tôn:

- Thưa Bác, sự quan tâm của Đảng Cộng sản Pháp và Việt kiều ở Pháp làm con rất cảm động. Nhưng con ở bệnh viện, hàng ngày được chu cấp đầy đủ rồi. Con muốn tặng số tiền này cho các cháu miền Nam.

Bác Tôn khóc. Bác hôn chị:

- Con không nghĩ gì đến con sao? Hồi Bác ở Côn Đảo, một tên cai ngục điểm danh, nó lấy cây gậy sắt đánh Bác vào đầu rất đau, Bác không nghĩ chúng lại có thể đánh con như thế này. Con còn sống, Bác rất mừng...

Chị Lý nằm đấy. Trên chiếc bàn bên cạnh giường nằm đặt lọ hoa và ngày nào cũng có những bông hoa tươi. Phẩm chất của cô gái miền Nam ấy đẹp hơn một viên ngọc và sáng hơn cả trăng rằm.

Chị nhớ những lời dạy của Bác, nhớ đến công lao của Bác đối với dân tộc, chị gắng để sống, dấu những vết thương mà kẻ thù tra tấn lở loét, sưng tấy, đốn đau, sống để trở về chiến đấu cùng đồng đội. Chị nghĩ: tình thương của Bác đối với chị là một phương thuốc hiệu nghiệm, gắng vượt qua cái chết, mãi mãi đi theo con đường của Bác, của Đảng.

Ra viện, chị được Bác gọi vào nơi Bác ở. Đã mấy lần, sau khi vết thương đã đỡ, thỉnh thoảng vào chiều thứ bảy, chị lại được vào ăn cơm với Bác. Lần này thấy sức khoẻ của chị có phần khá hơn trước, Bác hỏi chuyện chị:

- Chúng xâu tay cháu với bao nhiêu người khác?

Chị giật mình, sao Bác lại biết. Chị thưa:

- Thưa Bác, chúng xâu tay cháu với hơn 40 chú. Sau những trận đòn tra tấn dã man, tay lại bị xâu dây thép, nhiều chú cứ vài ngày lại lên cơn co giật rồi chết dần chết mòn. Chỉ còn lại mình cháu. Cháu cũng không hiểu sao cháu lại không chết.

- Cháu bị chúng tra tấn thế, mà cháu không khai?

- Nếu cháu khai ra thì cháu không được gặp Bác, cháu sẽ mất hết tình thương của cách mạng...

Rồi chị úp mặt vào bàn tay Bác, khóc như một đứa trẻ.

- Vết thương trên đầu của cháu có đau lắm không?

- Thưa Bác, cháu đau sơ sơ...

Bác nhìn vết thương của chị, máu còn thấm qua bông băng, thấm ra một chút áo ngoài. Bác bùi ngùi:

- Cháu đi nên mang theo một chiếc áo nữa để thay. Mấy vết thương phải được băng kỹ, kéo nhiễm trùng.

Rồi Bác nói với chị:

- Mai cháu đi Liên Xô với cô Thập. Cháu đi đường cần gì cứ nói với cô Thập và thầy thuốc đi theo. Sang Liên Xô, cháu cố gắng yên tâm điều trị cho chóng khỏi.

Sau này, chị Trần Thị Lý được phong danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Với chị - một cựu chiến binh, tình thương của Bác là nguồn động viên lớn để chị gắng bước trên con đường cách mạng.

MỘT NGÀY VUI Ở TRẠI TRẺ



“Đã có một ngày như thế đấy - ch Phan Thanh Hoà nhớ lại một kỷ niệm sâu sắc thời ở Việt Bắc trong kháng chiến chống Pháp - ngày mà Người - vị Chủ tịch nước, dù bận trăm công ngàn việc vẫn dành trọn cho các cháu ở trại trẻ quân đội... Đã vào tuổi 70 rồi, tôi mong muốn có một buổi gặp mặt với các cháu ở trại trẻ năm xưa lắm...”.

Đấy là năm 1953, nhằm vào ngày 19 tháng 5, ngày sinh nhật Bác, ngày này, các cơ quan, đoàn thể, quân đội thường tổ chức đến mừng thọ Bác. Bác muốn tránh sự phiền phức đó, nên ngay từ sáng sớm, Bác đã đến thăm trại trẻ quân đội. Bác đến, các cô phụ trách trại trẻ ngỡ ngàng vì không ai ngờ Bác lại đến thăm vào ngày này

Các cô và các cháu ùa ra đón Bác Các cháu bé như một bầy chim non, xúm xít xung quanh Bác. Chị Nguyễn Thị Hồng, phụ trách trại trẻ và cô Phan Thanh Hoà trực tiếp chăm sóc các cháu báo cáo với Bác về hoạt động của trại. Bác dự buổi kể chuyện của cô Thanh Hoà với các cháu. Cô kể: “Khi

còn ở bên nước Pháp, mùa đông rét lắm. Bác Hồ rất nghèo, phải đi làm thuê lấy tiền sinh sống và hoạt động cách mạng. Đêm ngủ không có chăn đắp, Bác Hồ phải nướng viên gạch cho nóng, ôm vào người cho ấm đấy...”.

Bác đính chính: “Cô Hoà kể chưa đúng hẳn đâu. Đúng là mùa đông ở nước Pháp rất rét, lúc ấy Bác cũng có chăn, nhưng chăn mỏng không đủ ấm, nên Bác phải nướng thêm viên gạch nóng ủ cho ấm người...”.

Các cô ở trại trẻ mời Bác ở lại ăn cơm với các cháu. Bác nói:

- Hôm nay sang chơi với các cô, các cháu, Bác đã mang theo cơm rồi, các cô không phải nấu nướng gì nữa.

Suất cơm của Bác là một nắm xôi bày cùng với đĩa rau muống luộc và bát đậu phụ của trại. Rau và đậu phụ do trại trồng và chế biến. Bữa cơm tuy rất đạm bạc nhưng thật thân mật, đầm ấm.

Nhân “bữa cơm gia đình”, Bác hỏi cô Thanh Hoà:

- Cháu đã có gia đình chưa?

Cô Hoà cười ngượng, không dám trả lời. Cô nhờ chị Hồng thưa giúp với Bác. Chị Hồng thưa với Bác:

- Cô Hoà sắp xây dựng gia đình đấy ạ!

Bác hỏi:

- Xây dựng với ai thế?

- Thưa Bác, với đồng chí Nhận, cán bộ kế hoạch đấy ạ.

Bác cười:

- Cán bộ kế hoạch à? Chú ấy đã có kế hoạch thế nào mà thuyết phục được cháu. Làm việc gì cũng phải có kế hoạch mới thành công. Hôm nào cháu kể chuyện cho Bác nghe nhé!

Tất cả đều cười.

Lần Bác đến thăm trại ấy, cô Thanh Hoà thấy mình là người có hạnh phúc lớn, được ăn cơm với Bác, lại được Bác hỏi chuyện riêng, thật là đầm ấm tình cha con, bác cháu. Cô đi lấy tập báo ảnh và tranh Liên Xô nhờ Bác dịch để cô làm tài liệu giảng dạy cho các cháu. Bác dịch xong, nói với cô: “Tuổi còn trẻ, cháu hãy cố gắng học tiếng nước ngoài”.

Rồi Bác ra sân chơi với các cháu. Cháu Nguyễn Minh Phương được vinh dự thay mặt cho hơn một trăm bạn nhỏ, được Bác bế ôm hôn. Minh Phương cũng ôm chặt lấy cổ Bác và hôn Bác. Tấm ảnh Bác bế cháu Minh Phương được phóng to và đã có mặt ở nhiều nơi trong nước và cả nước ngoài nữa.

Bác nghỉ trưa ở trại trẻ, buổi trưa Việt Bắc tĩnh lặng, chỉ loáng thoáng đâu đó có tiếng chim hót. Chị Hồng và cô Thanh Hoà dặn mọi người

gắng giữ im lặng để có buổi trưa yên tĩnh cho Bác nằm nghỉ. Sau khi nghỉ trưa, Bác đi thăm các hầm trú ẩn và nhà nội trú của các cháu. Rồi Bác hỏi cô Hoà:

- Trưa nay, có cháu nào ho nhiều thế?

- Thưa Bác, cháu Bích Nga đấy ạ. Cháu đã uống thuốc nhưng chưa khỏi hẳn.

Nghe xong, Bác nói với cô Hoà cách phòng lạnh và chống ho cho các cháu. Buổi chiều Bác trở về cơ quan. Hôm sau, Bác gửi sang cho trại một chai mật ong để chữa ho cho các cháu.

Bây giờ, cô Phan Thanh Hoà thuở Việt Bắc chín năm ấy đã đi qua thời “cổ lai hy”, đã lên chức bà. Kỷ niệm về Bác Hồ thăm trại trẻ năm 1953 ấy là kỷ niệm đẹp nhất của cuộc đời cô gái giữ trẻ mới ngoài hai mươi tuổi xuân.

BA LẦN CHỤP ẢNH, BA CHÙM PHONG LAN



“Thời gian trôi đi, đối với tôi, mọi cái có thể bị xoá nhoà, lãng quên, nhưng ký ức về Bác Hồ luôn sống mãi trong lòng tôi. Bác đã truyền cho tôi tình thương yêu, kiến thức và lớn hơn hết là cách học làm người. Ba mươi năm qua, cứ mỗi ngày vui đến, tôi lại càng thương nhớ Bác biết bao nhiêu...”.

Những dòng trên đây là tự thuật của chị Trương Thị Khuê, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, cựu chiến binh. Chị đã từng giữ chức Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

Năm 1968, vào tháng 8 - tháng của mùa thu Việt Nam, chị được đi dự Đại hội Thanh niên, sinh viên thế giới tại Xô-phi-a, thủ đô của Bun-ga-ri. Cùng đi với chị có chị Trần Thị Bưởi, quê Vĩnh Tú, Vĩnh Linh, Quảng Trị. Khi trở về, các chị nghỉ tại nhà khách Bộ Quốc phòng. Nghỉ ở phòng này còn có chị Nguyễn Thị Xuân, quê Quảng Trạch, Quảng Bình vừa ở Liên Xô về.

Các chị được vào thăm Bác Hồ, thật là một vinh dự lớn, một hạnh phúc lớn. Chị Trương Thị Khuê bộc bạch tâm tình: “Được vào thăm Bác ư? Điều mà lâu nay tôi hằng mong ước, không ngờ hôm nay lại là sự thật. Cả ba chúng tôi sung sướng vô cùng. Hôm ấy, Hà Nội đang mùa thu, tiết trời mát mẻ, vậy mà người tôi cứ nóng ran. Tôi vừa mừng vừa lo. Mừng vì sắp được gặp Bác Hồ, lo vì đây là lần đầu được gặp Bác, không biết thưa với Bác những gì. Nếu Bác hỏi, mình có đủ bình tĩnh để thưa với Bác thật cặn kẽ không? Ôtô đưa chúng tôi đến Phủ Chủ tịch. Ba chúng tôi đang lúng túng không biết khi gặp Bác nên chào thế nào? Đứng nghiêm chào theo điều lệnh quân đội hay vòng tay trước ngực “Kính thưa Bác”. Rất may, chú Vũ Kỳ đến bảo: “Các cháu là dân quân nên chào Bác theo lối quân sự nhé”.

Các chị đến thấy Bác đang ngồi bên cạnh chiếc bàn tròn đọc báo. Bác ngẩng đầu lên, các chị đứng nghiêm đưa tay lên vành mũ chào Bác. Bác cười rất vui và bảo các chị ngồi quanh chiếc bàn tròn, trên mặt bàn có bày sẵn một đĩa kẹo, một đĩa chuối. Bác ngồi đó, mặc quần áo bà ba, áo cộc tay ba túi, đầu đội chiếc mũ màu xanh công nhân, chân đi đôi dép cao su gót đã mòn.

Bác nghe thành tích của các chị, cả tên tuổi, quê quán, Bác cười rất hiền và nói: “Các cháu giỏi

lắm”. Rồi Bác cầm đĩa kẹo chia cho các chị, liền đó Bác đưa cho mỗi chị một quả chuối. Quay qua chị Khuê, Bác hỏi: “Cháu ở Vĩnh Linh có bị máy bay B.52 đánh nhiều không?”. “Dạ, thưa Bác, máy bay B.52 đánh xuống Vĩnh Linh nhiều lắm, riêng xã cháu đã bị đánh năm lần, còn bom toạ độ và pháo từ bờ Nam bắn sang thì không kể hết ạ!”.

Nghe chị Khuê nói, Bác trầm ngâm, rồi hỏi tiếp: “Địch đánh như thế, bà con ta ăn ở ra sao?”. “Dạ, thưa Bác, bà con ta không chịu bó tay đâu ạ. Ăn ở đều dưới hầm. Đi lại bằng đường giao thông hào. Ở dưới hầm rộng rãi, tối ngủ vẫn mắc được màn. Bà con vẫn ra đồng sản xuất, nên bảo đảm ăn no. Ngoài gạo, còn khoai sắn thì lúc nào cũng có...”.

Nghe chị kể chuyện xong, Bác đứng dậy bảo các chị ra sân chụp ảnh. Trước khi chụp ảnh, Bác bảo các chị: “Mỗi người hát một bài cho vui”. Chị Khuê hò câu Mái nhì, chị Xuân ngâm thơ Quảng Bình, chị Bưởi hát bài “*Ai đã tới miền quê em Quảng Trị, Thừa Thiên*”. Rồi đến lúc chụp ảnh, Bác bảo: “Cháu nào muốn đứng gần Bác?”, cả ba chị đồng thanh: “Cháu ạ!”. Bác cười vui: “Vậy mỗi cháu đứng gần Bác một lần, ta chụp ba lần”.

Bác dẫn các chị đến gần cây phong lan đang nở những chùm hoa trắng rất đẹp. Bác ngắt ba chùm phong lan tặng mỗi chị một chùm. Bác ân cần dạy

bảo: “Hoa phong lan rất đẹp, nhưng thành tích của các cháu còn đẹp hơn hoa của Bác. Mong các cháu phát huy thành tích, mãi xứng đáng là người dân quân ở tuyến đầu...”.

Cuộc gặp Bác lần ấy, chị Khuê nói: “Tình cảm và lời dạy của Bác Hồ luôn là nguồn động viên lớn nhất đối với chúng tôi trong học tập, rèn luyện và công tác”.

HỌC TẬP SUỐT ĐỜI



Quê ông ở xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì - Hà Nội. Nhà nghèo, đến tuổi trưởng thành, ông làm thợ nề, thợ mộc, rồi làm ở đầu máy xe lửa, chạy từ Hà Nội đến Vân Nam (Trung Quốc). Năm 1941, ông tham gia hoạt động cách mạng. Ông bị bắt ở Lào Cai. Chúng giam ông ở căng Bá Vân, rồi Hoả Lò và Nghĩa Lộ. Năm 1944, ông vượt ngục, về quê tham gia cuộc khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

Thời gian ở quê, ông học võ. Sau Cách mạng tháng Tám, ông làm huấn luyện viên võ bị Trần Quốc Tuấn. Ông là người thầy dạy giỏi và rất nghiêm. Học viên Hứa Mạnh Tài học Trường Võ bị Trần Quốc Tuấn khoá I, sau này là cán bộ Quân chủng Phòng không - Không quân, kể lại khi được gặp “thầy Vũ”, lúc này ông là Phó Tổng tham mưu trưởng: “Thầy Vũ xuống kiểm tra các công việc sẵn sàng chiến đấu của đơn vị tôi. Trước đây học ở Trường Võ bị, chúng tôi kính phục thầy và học được ở thầy những đức tính tốt đẹp về đức độ, về tác phong. Lần gặp thầy - sau 26 năm - trông thầy có già đi nhưng quắc thước và nhanh nhẹn”.

Trong cuộc đời quân ngũ của Trung tướng Vương Thừa Vũ, một trong những kỷ niệm sâu sắc nhất là ông được gặp Bác Hồ. Lần nào gặp Bác, ông cũng cảm động, nghẹn ngào. Có thể kể lần ông gặp Bác năm 1969. Sau Tết Kỷ Dậu - năm 1969, sức khoẻ của Bác xuống dần. Năm này, nhân ngày sinh của Bác, các đồng chí trong Quân uỷ Trung ương tổ chức chúc thọ Bác. Tướng Vương Thừa Vũ là người cao tuổi nhất được cử đại diện ôm bó hoa tươi chúc thọ Bác. Ông tặng hoa Bác nhưng vì quá xúc động, ông không nói được lời nào. Bác nhìn ông, cười: “Chú Vũ nói đi chứ!”. Lần gặp này, ông nhớ đến suốt đời.

Là một vị tướng chiến trận, ông xông pha bom đạn và coi thường hiểm nguy. Nhưng trình độ học vấn của ông có hạn, vì thuở nhỏ nhà nghèo, không được học hành cơ bản. Điều này khi được trên điều về gánh chức Phó Tổng Tham mưu trưởng, ông đã ra sức khắc phục bằng cách học thêm văn hoá và nghiên cứu các văn kiện thuộc loại kinh điển. Ông đọc rất kỹ những tập luận văn quân sự của Ăng-ghe-n, ông đánh dấu những chỗ cần đọc lại. Tác phẩm “Tổ tiên ta đánh giặc” của Tướng Hoàng Minh Thảo và “Nguyễn Trãi toàn tập” của Viện Sử học soạn thảo, được ông nghiên ngẫm, đọc đi đọc lại nhiều lần.

Lại có một kỷ niệm sâu sắc nữa trong cuộc đời

quân ngũ của ông. Ông nhớ lại: “Khi làm Tư lệnh Quân khu Hữu Ngạn, trong dịp lễ mừng kỷ niệm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, tôi được chỉ định đọc diễn văn. Do gấp gáp, không được xem trước, nên có chữ tôi đọc không được lưu loát...”. Sau buổi lễ này, Bác Hồ nói với ông: “Tướng cũng phải học. Không phải làm tướng rồi thì cái gì cũng giỏi cả đâu. Bác cho chú cái đồng hồ này để mỗi khi nhìn giờ, chú lại nhớ phải học. Hàng năm, học được những điều gì thêm chú lại về đây báo cáo với Bác”.

Lần gặp Bác ấy, ông càng thấm thía về sự học và về đạo làm tướng. Bởi vậy, ông coi việc học là nhiệm vụ quan trọng suốt cả đời mình. Trên cương vị cấp tướng, ông luôn nhớ lời Bác dạy: bản thân phải gương mẫu, nêu những đức tính tốt đẹp cho cấp dưới noi theo.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp nói về Tướng Vương Thừa Vũ: “Tướng Vương Thừa Vũ là một người cộng sản có đạo đức cách mạng - một vị tướng *trí, dũng, nhân, tín, liêm, trung* như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng dạy. Con người Vương Thừa Vũ là con người trung thực, tính tình nghiêm nghị với tấm lòng nhân hậu, cương trực, thẳng thắn nhưng coi trọng đoàn kết thống nhất, chỉ huy kiên quyết, đòi hỏi cấp dưới rất cao nhưng rất mực dân chủ và thương yêu chiến sĩ, thương yêu đồng chí”.

NHỚ CÁI TẾT NĂM 1968 ẤY



Ngày Tết cổ truyền của dân tộc sắp đến rồi. Đường phố Hà Nội đã đỏ rực hoa đào và những cây quất “xếp hàng” trên một số vỉa hè đang khoe sắc những chùm quả vàng ửng. Không khí Tết càng đậm đà bởi những tờ báo nhiều màu được bày bán trên mấy cái sạp nơi đường phố đông người. Thời ấy, Hà Nội dẫu còn nghèo, nhưng vốn là đất hào hoa, thanh lịch, nên những người từ xa về Thủ đô vẫn còn thấy cái nét đặc sắc của vùng đất “nghìn năm văn hiến”.

Đã là ngày 27 tháng Chạp rồi. Chỉ còn có ba ngày nữa là Tết sẽ đến - cái Tết năm 1968. Đây là ngày khai mạc Đại hội Anh hùng chống Mỹ, cứu nước. Rất nhiều đại biểu ưu tú ở khắp nơi về dự Đại hội này. Anh Dương Chí Uyển - chiến sĩ Phòng không, người đã tham gia trận đánh máy bay Mỹ ở Rú Nài, trận này anh bị bom Mỹ làm vỡ xương hông, sau khi chữa lành vết thương, anh từ khu Bốn ra Thủ đô dự Đại hội này.

Trong hội trường rộng lớn, anh Uyển, Thái Văn A và Trần Thị Lý được xếp ngồi ở hàng ghế

phía trước. Anh cũng như các đại biểu đều mong gặp Bác, vì đây là một vinh dự lớn, có khi trong đời chỉ được một lần. Đại hội đã sắp đến giờ khai mạc. Và Bác đã xuất hiện trên hàng ghế Đoàn Chủ tịch.

Anh Uyển ngược nhìn Bác và Bác đã từ chỗ ngồi của Đoàn Chủ tịch bước xuống hàng ghế các đại biểu. Bác cầm hai bó hoa tươi, Bác tặng cho mẹ Suốt - người chèo đò ở Bảo Ninh và mẹ Phấn, quê Cao Bằng, bà mẹ có sáu người con đang chiến đấu nơi chiến trường, trong đó một người đã hy sinh.

Tặng hoa cho hai bà mẹ xong, Bác đến chỗ anh Uyển. Bác đặt bàn tay lên vai anh hỏi:

- Chú là Dương Chí Uyển, chiến đấu ở trận Rú Nài phải không?

- Dạ, thưa Bác: phải ạ!

- Thế vết thương của chú đã khỏi hẳn chưa?

- Dạ, thưa Bác: vết thương đã lành.

Anh trả lời Bác trong nghẹn ngào, xúc động. Thật không ngờ, Bác biết cả vết thương của anh, biết cả trận chiến đấu ở Rú Nài - một trận “độ lửa” giữa trận địa pháo của ta và máy bay Mỹ rất quyết liệt. Tại Đại hội này, anh Dương Chí Uyển cùng một số đồng chí khác được thưởng huân chương.

Nhưng có một phần thưởng rất lớn, anh cũng như các đại biểu dự Đại hội nhớ đến suốt đời không

quên. Đó là vào một buổi sáng mùng Một Tết năm 1968, các đại biểu được vào dự chiêu đãi tại Phủ Chủ tịch. Anh Uyển kể: “Sáng mùng Một Tết năm ấy, thật là một điểm phúc lớn đối với chúng tôi. Hôm ấy, trông Bác hồng hào, khỏe mạnh và rất vui. Bác mặc quần áo ka ki và đi đôi dép cao su giản dị, Bác ngồi giữa đoàn con cháu vây quanh. Bác nói: “Trung ương đang còn nghèo, hôm nay chỉ có kẹo và thuốc lá chiêu đãi các cô, các chú. Bác cho phép các cháu vừa ăn kẹo vừa nói chuyện, ai muốn nói gì thì cứ tự nhiên...”.

Anh Uyển muốn thưa với Bác về sự tiến bộ của gia đình và sự trưởng thành của bản thân. Anh, một người mù chữ, vào bộ đội được học hành, luyện tập, nay đã sử dụng thành thạo các cỗ pháo hiện đại. Nhưng anh chưa dám đứng dậy để thưa chuyện với Bác. Ngồi bên anh, chị Trần Thị Lý đứng dậy, chị thưa với Bác về sự phấn đấu của mình. Chị nói xong, anh Uyển đứng dậy thưa với Bác những điều anh đã chuẩn bị. Anh nói trong rưng rưng nước mắt.

Bác nhìn mọi người và nói:

- Các cô, các chú vừa chúc Bác mạnh khỏe. Nếu các cô, các chú làm việc tốt hơn thì Bác càng khỏe hơn.

Chuyện của Anh hùng Dương Chí Uyển kể góp thêm một nét đẹp về sự quan tâm đặc biệt của Bác Hồ đối với Lực lượng vũ trang nhân dân.

NGHE LỜI BÁC DẠY, NHỚ ĐẾN SUỐT ĐỜI



Trong cuộc đời làm “Anh bộ đội Cụ Hồ”, vị Thiếu tướng họ Tạ này có một kỷ niệm được xem như là đầy ấn tượng trong tâm trí, đó là lần Bác Hồ đến thăm đơn vị ông. Năm ấy ông còn trẻ, ông giữ cương vị Đoàn trưởng - một đơn vị bảo vệ Trung ương Đảng, Chính phủ, Bộ Chính trị và Bác Hồ. Đây là Đoàn 600 thuộc Bộ Quốc phòng.

Năm 1953-1954, Việt Bắc là căn cứ địa của cuộc kháng chiến chống Pháp. Trên địa bàn hai tỉnh Thái Nguyên và Tuyên Quang, núi tiếp núi, rừng tiếp rừng, trùng trùng điệp điệp. Đoàn 600 đóng quân nơi giáp ranh hai tỉnh quan trọng này.

Một buổi sáng, đồng chí Kháng là Cục trưởng Cục Cảnh vệ thuộc Bộ Công an đã báo trước cho chỉ huy Đoàn 600 là khoảng hai tiếng đồng hồ nữa, Bác Hồ sẽ đến thăm đơn vị. Nhận được tin này, các đồng chí chỉ huy Đoàn 600 cảm thấy một vinh dự lớn mà đơn vị mình sắp được đón nhận. Các anh báo cho đơn vị biết. Cán bộ, chiến sĩ ai nấy đều mừng. Tất cả đã sẵn sàng. Chỗ ăn, chỗ ở được sắp xếp gọn gàng, chu đáo. Thời điểm này vào tháng 7 năm 1954.

“Bác đến!”, có tiếng reo thật to của nhiều người. Rồi tiếng reo ấy như một làn sóng “tràn đầy” cả đơn vị. Ai cũng nghĩ Bác sẽ vào thẳng hội trường, nơi đơn vị đã sắp xếp đội ngũ chỉnh tề đón Bác. Nhưng Bác lại đi thẳng vào nhà bếp - chỗ anh nuôi đang nấu cơm, rồi Bác quành ra chỗ các chiến sĩ vẫn ngủ thường đêm xem chỗ ngủ nơi rừng núi của các “binh nhì” có chu đáo không.

Đoàn trưởng Đoàn 600 - anh Tạ Đình Hiếu, sau này là Thiếu tướng, Phó Tư lệnh, Tham mưu trưởng Quân khu Thủ đô - đứng nghiêm giờ tay chào Bác. Nhưng anh run quá, vì lần đầu tiên được gặp Bác, nên không giữ vững được bàn tay ở tư thế chào. Bác nhìn anh cười hiền từ:

- Bộ đội gì mà lại có kiểu chào ngoằn ngoèo như chữ “chì” thế này!

Tất cả đơn vị đều cười to, lúc đó muốn giữ tư thế nghiêm sau câu nói của Bác nhưng không ai làm chủ được mình. Thế là bầu không khí đón Bác vừa ấm cúng, vừa thân tình lan khắp đơn vị.

Bác nhìn cán bộ, chiến sĩ của đoàn quân “Cận vệ” với đôi mắt ưu ái, rồi Bác lấy ra một tấm bản đồ. Anh Tạ Đình Hiếu vội chạy lên đỡ tấm bản đồ từ tay Bác, treo lên vách hội trường. Đó là tấm bản đồ đất nước ta, ở quãng giữa có một vạch ngang, phía trên màu đỏ, phía dưới màu xanh.

Bác chỉ vào bản đồ, hỏi:

- Phía Bắc Việt Nam giáp nước nào?

Mọi người ngồi im phăng phắc. Bác chỉ định một chiến sĩ trả lời.

- Thưa Bác, phía Bắc Việt Nam giáp với Liên Xô ạ!

Mọi người vẫn ngồi im. Đoàn trưởng Hiếu nghe chiến sĩ trả lời, bỗng giật thót tim. Bác chỉ định một chiến sĩ khác trả lời. Rất may, anh chiến sĩ trả lời đúng.

- Thưa Bác, phía Bắc nước ta giáp với Trung Quốc ạ!

Bác cười rồi nói với đơn vị:

- Cuộc kháng chiến của quân và dân ta đã giành được thắng lợi, buộc địch phải ký Hiệp định Giơ-ne-vơ. Nhưng do thế và lực của ta và tình hình thế giới lúc này, ta phải chấp nhận việc tạm thời chia đôi hai miền. Vậy ta còn phải đấu tranh để thống nhất đất nước...

Bác nói với anh Tạ Đình Hiếu:

- Các chú phải quan tâm tổ chức cho bộ đội học chính trị, quân sự và cả văn hoá nữa. Lúc này bộ đội cần phải học nhiều.

Trong tiếng hát “Kết đoàn” vang dội, Bác chào đơn vị ta về. Bây giờ đã vượt qua tuổi 70, vị Thiếu tướng cựu chiến binh họ Tạ vẫn thường nói với bạn bè: “Một lần gặp Bác, nghe lời Bác dạy, nhớ đến suốt đời”.

MỘT NGÀY, HAI LẦN ĐƯỢC GẶP BÁC



Đã gần 50 năm rồi, anh Hoàng Đăng Vinh, từng giữ chức Chủ tịch Hội Cựu chiến binh thị xã Bắc Ninh, vẫn nhớ bữa tiệc Bác Hồ chiêu đãi các vị khách nước ngoài và năm chiến sĩ xuất sắc đã dự trận Điện Biên Phủ vào ngày 19 tháng 5 năm 1954.

Hôm ấy là một ngày vui lớn, ngày để lại những dấu ấn sâu sắc suốt cuộc đời anh Hoàng Đăng Vinh. Anh kể:

“Chúng tôi gồm năm anh em, đều là những chiến sĩ xuất sắc của các đơn vị đã từng tham gia chiến đấu tại chiến trường Điện Biên Phủ được vinh dự gặp Bác Hồ. Tôi nhớ rất rõ sáng hôm ấy Bác mặc bộ quần áo ka ki đã bạc màu cùng với các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước đang đứng dưới tán lá cây cổ thụ sum suê. Tôi mừng quá, vì lần đầu tiên trong đời được gặp Bác, tôi định chạy tắt đường lên để ôm chầm lấy Bác, nhưng Người đã nhanh tay ra hiệu cho chúng tôi đi đúng đường và tươi cười nói:

- Không được, không được, các chú phải đi đúng đường chứ.

Chúng tôi quây quần bên Bác, sung sướng như những đứa con lâu ngày mới được gặp cha. Bác rất vui và nhắc:

- Các chú phải cười lên chứ! Cười lên để còn quay phim, chụp ảnh.

Thấy chúng tôi ngượng ngập trước ống kính của đạo diễn điện ảnh Các-men, Bác nói vui:

- Chú nào cười trước, Bác sẽ lấy vợ trước cho.

Chúng tôi chưa dám cười to, Bác lại nói:

- Chú nào cười to, Bác lấy cho vợ đẹp.

Thế là chúng tôi cười thật to...”.

Lần đầu gặp Bác, các anh được chụp ảnh, quay phim và được Bác khen thưởng cho năm anh em mỗi người một Huy hiệu “Chiến sĩ Điện Biên Phủ” và một Huy hiệu của Bác. Buổi chiều cùng ngày, anh Hoàng Đăng Vinh và bốn người bạn chiến đấu lại vinh dự được gặp Bác lần nữa. Lần này, các anh được mời dự bữa tiệc to tại hội trường dựng bằng tranh tre, nứa lá. Bữa tiệc ấy có cả các bạn nước ngoài.

Trong bầu không khí trang trọng, ấm cúng, Bác đứng lên hỏi:

- Chú Vinh có ở đây không? Chú Vinh bắt tướng Đồ-cát có ở đây không?

Nghe Bác gọi tên mình, anh Vinh vừa ngỡ ngàng vừa lúng túng. Anh đứng dậy, “dạ” to một tiếng và đi lên chỗ Bác. Bác nói nhỏ nhẹ:

- Lên đây, chú Vinh lên đây với Bác.

Anh bước thêm bước nữa, đứng sát bên Bác, Bác cười:

- Chú ngồi đây ăn cơm với Bác.

Anh cảm thấy một vinh dự đặc biệt đến với mình. Anh chợt nghĩ: Có lẽ mình ít tuổi nhất, lại bé nhất trong số năm anh em, nên được Bác ưu ái chăm sóc. Anh ngồi bên cạnh Bác, phía ghế bên kia là mấy vị khách nước ngoài.

Lần đầu tiên, dự một bữa tiệc sang trọng, tuy là trong hoàn cảnh gian khổ của cuộc kháng chiến, anh Vinh thấy vừa mừng vừa lo. Mừng là trận Điện Biên Phủ quân ta đã giành toàn thắng và lo là trong bữa tiệc này anh lại ngồi với các “ông to”. Nhìn lên bàn anh thấy có món thịt gà luộc, canh cá, cơm trắng và mấy món ăn châu Âu, anh không biết là món gì. Anh ăn rụt rè, Bác liền gấp cho anh miếng thịt gà và nói: “Chú cứ ăn tự nhiên đi chứ!”.

Trong bữa tiệc, Bác hỏi chuyện anh:

- Gia đình chú có đông anh em không?

- Thưa Bác, gia đình cháu có bảy anh em ạ!

- Cháu học lớp mấy?

- Thưa Bác, cháu mới học lớp ba!

- Chú còn trẻ, gắng học thêm để sau này gánh vác công việc được tốt hơn.

Đã ở gần lớp tuổi “cổ lai hy”, là cựu chiến binh, bây giờ nhớ lại lần gặp Bác tháng 5 năm 1954 ấy, anh vẫn cảm thấy đây là một kỷ niệm sâu sắc nhất và tươi rói trong tâm hồn anh. Anh tâm sự: “Trong cuộc đời tôi, chỉ trong một ngày mà hai lần được gặp Bác Hồ, mỗi lần đều để lại trong tôi những bài học không bao giờ quên. Đây là một vinh dự quá lớn...”.